

Báo cáo tóm tắt tổng kết đề tài:

**NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP
CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRONG CÁC CƠ QUAN ĐẢNG TẠI TỈNH BẾN TRE**

Chủ nhiệm đề tài: Hồ Thị Hoàng Yến

Báo cáo tổng kết đề tài:

**NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP
CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRONG CÁC CƠ QUAN ĐẢNG TẠI TỈNH BẾN TRE**

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI


Hoàng Yến

CƠ QUAN CHỦ TRÌ




Nguyễn Thái Bình

TÓM TẮT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đề tài “*Nghiên cứu đề xuất các giải pháp cải cách thủ tục hành chính trong các cơ quan đảng tại tỉnh Bến Tre*” đã được tiến hành từ tháng 10/2019 đến tháng 6/2021. Kết quả như sau:

Ban Chủ nhiệm Đề tài đã thực hiện thành công 2 chuyến đi tham quan, khảo sát tình hình triển khai cải cách thủ tục hành chính (CCTTHC) trong các cơ quan Đảng tại 2 thành phố lớn là Thành ủy TP.HCM và Thành ủy TP. Cần Thơ. Qua đó đã học hỏi được nhiều kinh nghiệm quý báu cho việc chuẩn bị thực hiện Đề tài.

Đã tiến hành 2 lần điều tra bằng bảng câu hỏi; trong đó, lần 1 là khảo sát hiện trạng trước khi triển khai Đề tài và lần 2 là khảo sát kết quả thực hiện Đề tài. Cả 2 lần đều đạt số lượng phiếu khảo sát theo thuyết minh Đề tài (400 phiếu). Qua khảo sát đã rút ra được trên 40 vấn đề cần lưu ý và trên 20 đề xuất, kiến nghị về nội dung giải pháp cải cách thủ tục hành chính trong Đảng.

Đã thực hiện và hoàn thành tốt 3 mục tiêu cụ thể, hoàn thành cơ bản mục tiêu tổng quát của Đề tài, góp phần nâng cao rõ rệt chất lượng phát hành văn bản, chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy; cũng như chất lượng tham mưu, lễ lối, phong cách làm việc của cán bộ, công chức các cơ quan Đảng, nhất là các cơ quan trực tiếp tham gia thực hiện Đề tài.

Đánh giá kết quả thực hiện, Đề tài đã thực hiện tốt các chỉ tiêu: giảm 20% số lần hội họp, hội nghị; đạt trên 80% phát hành văn bản điện tử, có nơi đạt trên 99% (giảm mạnh phát hành văn bản giấy); nhiều hoạt động thiết thực đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ tích cực cho CCTTHC trong hệ thống Đảng (huy động nguồn vốn của Đề án về CNTT trong Đảng, đạt trên 3 tỷ đồng). Đã đề xuất, kiến nghị về Trung ương và Ban Thường vụ Tỉnh ủy 11 giải pháp về CCTTHC. Về mặt kinh tế đã tiết kiệm được trên 6.950 triệu đồng do giảm chi phí phát hành văn bản giấy và việc tăng cường tổ chức họp trực tuyến, giảm hội họp truyền thống như trước đây.

Đặc biệt, đã xây dựng và triển khai thực hiện thí điểm *Bộ TTHC trong các cơ quan Đảng tại tỉnh Bến Tre* với 69 quy trình, 73 biểu mẫu, về: công tác

tiếp nhận, xử lý, tham mưu nội dung, ban hành, lưu trữ văn bản (15 quy trình), quản trị tài chính Đảng (5 quy trình), Cơ yếu - CNTT (8 quy trình), tổ chức, cán bộ (22 quy trình) và kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong đảng (19 quy trình). Bộ TTHC này đã được bổ sung hoàn chỉnh một bước trong thời gian thực hiện thí điểm, sẽ được triển khai thực hiện trong toàn tỉnh sau khi kết thúc Đề tài.

Đã xây dựng Kế hoạch thực hiện CCTTHC trong các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025, được Thường trực Tỉnh ủy chấp thuận và đang lấy ý kiến BTVTU để hoàn thiện ký ban hành (là một trong những sản phẩm chính của Đề tài: Hệ thống các giải pháp CCTTHC trong các cơ quan đảng tỉnh Bến Tre).

Ngoài ra, Ban Chủ nhiệm Đề tài đã có 3 bài báo đăng trên Báo Đồng khởi Online trong thời gian thực hiện Đề tài; 01 bài báo viết về kết quả thực hiện Đề tài. Các nội dung nghiên cứu của đề tài đã được mở Chuyên mục riêng trên Trang thông tin điện tử Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (sẽ được nâng cấp thành Cổng thông tin điện tử của BCH Đảng bộ tỉnh).

DANH MỤC CÁC HÌNH VÀ BIỂU ĐỒ

- - - -

Hình 1: Ban Chủ nhiệm đề tài làm việc với Thành ủy thành phố Cần Thơ.....	32
Hình 2: Quang cảnh buổi làm việc của Ban Chủ nhiệm Đề tài với Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh	33
Hình 3: Đánh giá của UVBTW về kết quả thực hiện quy chế của cấp ủy	36
Hình 4: Mức độ đánh giá chất lượng văn bản điều hành của Tỉnh ủy.....	37
Hình 5: Đánh giá mức độ chỉ đạo CCTTHC trong Đảng của cấp ủy tỉnh và huyện.....	38
Hình 6: Đánh giá về mức độ đồng bộ, thống nhất về quy trình, thủ tục ban hành các văn bản của cơ quan Đảng	38
Hình 7: Đánh giá việc đồng gửi văn bản thỉnh thị ý kiến hoặc hướng dẫn của cấp ủy cấp dưới đến cấp ủy cấp trên	39
Hình 8: Đánh giá việc sắp xếp và tổ chức lại các cơ quan Đảng	40
Hình 9: Biểu đánh giá quy trình, thủ tục liên quan công tác cán bộ	41
Hình 10: Biểu đồ đánh giá về Hệ thống các biểu mẫu nghiệp vụ	42
Hình 11: Kết quả đánh giá mức độ truy cập iOffice của các nhóm cán bộ	44
Hình 12: Mức độ truy cập Trang thông tin điện tử BCH Đảng bộ tỉnh.....	45
Hình 13: Đánh giá mức độ kịp thời của văn bản điều hành của Tỉnh ủy.....	49
Hình 14: Đánh giá công tác chỉ đạo triển khai thực hiện các giải pháp CCTTHC	49
Hình 15: Các lĩnh vực có khả năng CCTTHC tại UBKT và BTC.....	50
Hình 16: Kết quả khảo sát về tính hợp lý của việc sắp xếp các phòng, ban	51
Hình 17: Kết quả khảo sát đánh giá mức độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ	52
Hình 18: Đánh giá về hiệu quả quy trình thủ tục đang được thực hiện	53
Hình 19: Thống kê tỷ lệ sử dụng thiết bị di động thông minh	55
Hình 20: Đánh giá mức độ tiện lợi, kịp thời của Hệ thống iOffice	55
Hình 21: Nội dung chính văn bản chỉ đạo triển khai thí điểm	72
Hình 22: Kiểm tra kết quả niêm yết công khai Bộ TTHC	74
Hình 23: Biểu đồ tỷ lệ loại văn bản được các nhóm đơn vị phát hành.....	80
Hình 24: Tỷ lệ phát hành văn bản điện tử của các đơn vị qua từng năm.....	82
Hình 25: Mức độ phát hành văn bản số của các nhóm đơn vị	83
Hình 26: Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện các giải pháp CCTTHC của từng đơn vị	106

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Ký hiệu chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
CCHC	Cải cách hành chính
CCTTHC	Cải cách thủ tục hành chính
TTHC	Thủ tục hành chính
KHCN	Khoa học – Công nghệ
VPTU	Văn phòng Tỉnh ủy
CNTT	Công nghệ thông tin
UBKTTU	Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy
UBKT	Ủy ban Kiểm tra
BTCTU	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
BTC	Ban Tổ chức
VPHU	Văn phòng Huyện ủy
VPThU	Văn phòng Thành ủy
HC-LT	Hành chính – Lưu trữ
BCH	Ban Chấp hành
iOffice	Hệ thống Quản lý văn bản điều hành iOffice
LN	Lotus Notes 8.5
VB	Văn bản
KT,GS,THKL	Kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật
CB,ĐV	Cán bộ, đảng viên

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1 : Kết quả đánh giá về chất lượng các văn bản chỉ đạo,	37
Bảng 2 : Đánh giá mức độ lãnh, chỉ đạo của cấp ủy tỉnh và huyện.....	37
Bảng 3 : Tổng hợp hình thức chỉ đạo thực hiện Bộ TTHC trong Đảng.....	73
Bảng 4 : Thống kê số lượng văn bản phát hành của các nhóm đơn vị.....	79
Bảng 5 : Tỷ lệ phát hành văn bản điện tử của các nhóm đơn vị.....	81
Bảng 6 : Thống kê tỷ lệ phát hành văn bản điện tử.....	83
Bảng 7 : Tỷ lệ phát hành văn bản điện tử phân theo nhóm Ban Tổ chức và UBKT.....	84
Bảng 8 : Thống kê số lần họp của Tỉnh ủy	85
Bảng 9 : Số lượng, thành phần đại biểu dự hội nghị truyền hình trực tuyến...	86
Bảng 10 : Các cuộc họp giao ban, Đảng ủy, Công đoàn VPTU	88
Bảng 11 : Số lượng các cuộc họp của Huyện ủy Ba Tri.....	89
Bảng 12 : Số lần các cuộc họp của Thành ủy thành phố Bến Tre	91
Bảng 13 : Thống kê số lượng người dùng VNPT-iOffice	93
Bảng 14 : Thống kê tài liệu Phòng họp không giấy	94

DANH SÁCH
THÀNH VIÊN THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Họ và tên	Tổ chức công tác
Phan Văn Mãi	Thường trực Tỉnh ủy
Trần Ngọc Tam	Thường trực Tỉnh ủy
Hồ Thị Hoàng Yến	Thường trực Tỉnh ủy
Bùi Văn Bia	Ban Dân vận Tỉnh ủy
Trần Ngọc Hải	Văn phòng Tỉnh ủy
Nguyễn Thái Bình	Văn phòng Tỉnh ủy
Phan Ngọc Huy	Văn phòng Tỉnh ủy
Nguyễn Võ Nhất Duy	Văn phòng Tỉnh ủy
Nguyễn Thị Hạnh	Văn phòng Tỉnh ủy
Hồ Tính Kiệp	Cơ quan UBKT Tỉnh ủy
Đặng Văn Thanh	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
Lê Hùng Dũng	Văn phòng Thành ủy Bến Tre
Nguyễn Đại Thắng	Văn phòng Huyện ủy Ba Tri

- [illegible]

2	Nội dung 2: Tổ chức hội nghị triển khai và khảo sát thực tế và học tập kinh nghiệm của các địa phương				
	- Công việc 1: tham quan học tập kinh nghiệm tại VP Thành ủy TP HCM và VP Thành ủy Cần Thơ. - Công việc 2: Tổ chức hội nghị triển khai đề tài (tại tỉnh).	Đạt mục tiêu, yêu cầu.	11/2019 11/2019	Thành viên tham gia thực hiện Đề tài	- Trễ do bận tổng kết năm - Đạt yêu cầu
3	Nội dung 3: Khảo sát hiện trạng (qua báo cáo, phiếu khảo sát bảng câu hỏi), rà soát văn bản đã ban hành.				
	- Công việc 1: Xây dựng 03 mẫu phiếu khảo sát (lần 1) về nhận thức, thái độ, hành vi (K.A.P) của các nhóm có liên quan đến công tác CCTTHC trong Đảng. - Công việc 2: Tiến hành khảo sát hiện trạng và K.A.P. - Công việc 3: Tổng hợp kết quả khảo sát.	Đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra	10/2019 11-12/2019 12/2019	Thành viên chính; chuyên viên VPTU	Đạt yêu cầu Đạt yêu cầu Đạt yêu cầu
4	Nội dung 4: Xây dựng hệ thống các giải pháp				
	- Công việc 1: Rà soát các TTHC thuộc thẩm quyền của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy; các huyện ủy, Thành ủy; khắc phục những thủ tục rườm rà, bất hợp lý; đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc bãi bỏ những văn bản có nội dung không còn phù hợp. - Công việc 2: Xây dựng hệ thống các giải pháp CCTTHC trên từng lĩnh vực, địa phương, để đạt mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung của đề tài; quy định rõ thời gian hoàn thành, thời gian giải quyết từng loại TTHC. - Công việc 3: Soạn thảo bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện từng mục tiêu của đề tài. - Công việc 4: Tổ chức hội nghị để thảo luận thống nhất hệ thống các giải pháp, quy trình, biểu mẫu khảo sát, tiêu chí đánh giá thực hiện đề tài.	Đạt mục đích, yêu cầu đề ra	11-12/2019 12/2019 12/2019	Thành viên chính; chuyên viên các đơn vị, địa phương	Chậm, phải xin gia hạn thêm 6 tháng (đến cuối 6/2021) Lý do: bận TK năm, triển khai chuẩn bị đại hội Đảng các cấp; phòng chống dịch bệnh Covid-19

	- Công việc 5: Ban hành Bộ thủ tục hành chính về trên 3 lĩnh vực mục tiêu.		12/2019		
5	Nội dung 5: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả CCTTHC trong các cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh				
	- Công việc 1: Tổ chức hội nghị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin. - Công việc 2: Triển khai Dự án ứng dụng công nghệ thông tin và mở rộng, phát triển các phần mềm ứng dụng. - Công việc 3: Triển khai thực hiện nghiêm túc các quy chuẩn, tiêu chuẩn về UDCNTT. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. - Công việc 4: Tổ chức lớp tập huấn bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, trình độ UDCNTT.	Đạt mục tiêu, yêu cầu của Đề tài	11/2019-10/2020	Thành viên chính, chuyên viên Phòng Cơ yếu- Công nghệ thông tin	Đúng tiến độ Đạt yêu cầu
6	Nội dung 6: Triển khai áp dụng hệ thống các giải pháp nâng cao chất lượng CCTTHC trong các cơ quan đảng tỉnh Bến Tre				
	- Công việc 1: Tổ chức lớp tập huấn. - Công việc 2: Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung, ban hành các quy định, quy trình tổ chức các loại hội nghị, hội thảo, đi công tác ở cơ sở. - Công việc 3: Triển khai thực hiện bộ TTHC về công tác tổ chức, xây dựng đảng. - Công việc 4: Triển khai thực hiện các quy trình, ban hành bộ thủ tục hồ sơ vụ việc trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật.	Đạt mục tiêu, yêu cầu của Đề tài	11/2019 11/2019 12/2019-12/2020 12/2019-12/2020	Thành viên chính; chuyên viên các đơn vị, địa phương	Đạt yêu cầu Trễ so với kế hoạch; nhưng vẫn đủ thời gian triển khai thực hiện thí điểm và báo cáo định kỳ đủ số lần.
7	Nội dung 7: Đánh giá kết quả triển khai việc áp dụng hệ thống các giải pháp nâng cao chất lượng CCTTHC trong các cơ quan đảng tỉnh Bến Tre				
	- Công việc 1: Xây dựng 03 phiếu khảo sát cho 3 nhóm đối tượng tham gia khảo sát về kết	Đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra	10/2019	Thành viên chính; chuyên viên	Thực hiện trong

	quả triển khai hệ thống các giải pháp thông qua việc khảo sát về nhận thức, thái độ, hành vi (K.A.P) - <i>Công việc 2</i> : Tiến hành khảo sát K.A.P và đánh giá kết quả. - <i>Công việc 3</i> : tổng hợp kết quả khảo sát.		05/2020 10/2020	VPTU	thời gian gia hạn
8	Nội dung 8: Kiểm tra, đánh giá kết quả việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài				
	- <i>Công việc 1</i> : Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện theo từng mục tiêu, nhiệm vụ. - <i>Công việc 2</i> : Từng cơ quan, địa phương tham gia thực hiện đề tài xây dựng báo cáo tổng kết. - <i>Công việc 3</i> : Thông qua các dự thảo báo cáo của các đơn vị, địa phương. - <i>Công việc 4</i> : Tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo Tổng kết đề tài		Mỗi 6 tháng 4/2021 4/2021 4/2021	Thành viên chính; chuyên viên các đơn vị, địa phương	Trễ. Thực hiện trong thời gian gia hạn
9	Nội dung 9: Xây dựng báo cáo tổng kết, nghiệm thu đề tài				
	- <i>Công việc 1</i> : Tổ chức hội thảo đánh giá các giải pháp. - <i>Công việc 2</i> : Tổ chức nghiệm thu đề tài cấp cơ sở - <i>Công việc 3</i> : Nghiệm thu đề tài cấp tỉnh		5/2021 5/2021 6/2021	Thành viên chính; Thư ký KH	-Không thực hiện do dịch bệnh - Đúng thời gian gia hạn

9. Danh mục sản phẩm khoa học:

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng
1	Hệ thống các giải pháp CCTTHC trong Đảng áp dụng chung từ tỉnh đến cơ sở (<i>Kế hoạch Thực hiện CCTTHC trong Đảng bộ tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025</i>)	Tháng 6/2021 đến 12/2025	Tất cả các tổ chức, cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở trong toàn Đảng bộ tỉnh Bến Tre
2	Bộ thủ tục hành chính trong các cơ quan Đảng.	Tháng 6/2021 đến 12/2025	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của Đề tài

Từ Đại hội VI của Đảng, các chủ trương về cải cách hành chính (CCHC) đã được Chính phủ cụ thể hóa triển khai thực hiện, đến Đại hội XI nội dung CCHC tiếp tục được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của cả nhiệm kỳ (2011-2015); trong đó, công tác CCHC trong Đảng được đề cập trong Kết luận số 82-KL/TW ngày 16/8/2011 của Bộ Chính trị. Tuy nhiên, phạm vi CCHC rất hẹp, chỉ ở mức độ là cải cách thủ tục hành chính. Theo đó, Cải cách thủ tục hành chính (CCTTHC) trong hoạt động của các cơ quan Đảng là nội dung quan trọng, là quá trình liên tục, đặt trong tổng thể cải cách hành chính (CCHC) của hệ thống chính trị nhằm góp phần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội. Trọng tâm của CCTTHC trong Đảng là *khắc phục những thủ tục rườm rà, bất hợp lý, giảm bớt giấy tờ, giảm mạnh hội họp [1]*, mà cụ thể là cải cách thủ tục trong công tác xây dựng và ban hành văn kiện của cấp ủy các cấp; trong hoạt động lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền; trong công tác cán bộ của các cấp ủy; trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng; trong ứng dụng công nghệ thông tin [2].

Thực tế, trong những năm qua, việc đẩy mạnh cải cách hành chính trong hệ thống chính trị của tỉnh Bến Tre đã được cụ thể hóa lãnh đạo thực hiện với nhiệm vụ cốt lõi là “... *cải cách hành chính một cách đồng bộ ở các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể các cấp...*”[3]. Từ đó, công tác CCTTHC tại tỉnh Bến Tre đã đạt được một số kết quả nhất định [4]. Tuy nhiên, công tác CCTTHC trong các cơ quan Đảng vẫn còn hạn chế, có mặt chưa đáp ứng yêu cầu đề ra như: quy trình, thủ tục ban hành văn bản ở một số lĩnh vực chưa bảo đảm tính khoa học, chưa có sự thống nhất; tiến độ rà soát xây dựng TTHC của các cơ quan khối Đảng còn chậm; các TTHC trong việc xin ý kiến của cấp ủy chưa rõ, việc hiểu và thực hiện không nhất quán; chưa

xác định rõ nội dung, yêu cầu của từng loại TTHC trong hoạt động lãnh đạo của cấp ủy, trong việc quyết định các vấn đề quan trọng [5]. Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Đảng vẫn còn bất cập, hiệu quả sử dụng hạ tầng, kỹ thuật chưa cao [6].

Để tiếp tục thực hiện các giải pháp CCTTHC trong hệ thống chính trị, nhất là trong các cơ quan Đảng trong thời gian tới, Tỉnh ủy đã xác định: cải cách TTHC và cải cách chế độ công vụ, công chức là khâu đột phá; triển khai đồng bộ các giải pháp CCTTHC trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của hệ thống chính trị. Nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện chặt chẽ quy trình ban hành văn bản và thường xuyên tiến hành rà soát để kịp thời bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp. Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng phần mềm iOffice trong hoạt động của cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể. Mục tiêu đến cuối năm 2030 có thể liên thông văn bản giữa các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể đến cấp xã [7].

Để đạt được mục tiêu trên, Tỉnh ủy cần xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể với những giải pháp khả thi mà đặc biệt là phải có Bộ thủ tục hành chính trong các cơ quan Đảng để thống nhất triển khai thực hiện đồng bộ. Tuy nhiên, sau 11 năm chủ trương CCTTHC trong các cơ quan Đảng được Trung ương đề cập tại Kết luận 82-KL/TW thì bộ thủ tục hành chính của Đảng vẫn chưa được ban hành; trong khi yêu cầu phải CCTTHC từ tỉnh đến cơ sở đang rất bức xúc, đòi hỏi phải nghiên cứu để có những giải pháp cải cách mạnh mẽ, phù hợp với thực tiễn trong thời gian tới.

Đó là yêu cầu, là tính cấp thiết triển khai thực hiện Đề tài "*Nghiên cứu đề xuất các giải pháp cải cách thủ tục hành chính trong các cơ quan Đảng tại tỉnh Bến Tre*".

2. Định hướng nghiên cứu

2.1 Tổ chức rà soát và hoàn thiện các văn bản quy định về TTHC

2.2 Quy trình hóa và nâng cao chất lượng công tác xây dựng và ban hành văn kiện của cấp ủy các cấp

2.3 Phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức đảng và bố trí cán bộ thực hiện các thủ tục hành chính trong Đảng

2.4 Tiếp tục đầu tư, nâng cấp trang thiết bị làm việc của các cơ quan đảng từ tỉnh đến cơ sở; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

3. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài lấy chủ thể là các thủ tục hành chính trong công tác xây dựng và ban hành văn bản của cấp ủy các cấp; hoạt động lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền; công tác cán bộ của các cấp ủy; công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng và việc ứng dụng công nghệ thông tin làm đối tượng nghiên cứu.

4. Phạm vi nghiên cứu

- Không gian nghiên cứu được thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh Bến Tre, trong đó tập trung vào hoạt động hành chính của các cơ quan là Văn phòng cấp ủy, Ban Tổ chức và Ủy ban Kiểm tra cấp ủy.

- Quy mô nghiên cứu được thực hiện từ cấp tỉnh đến cấp huyện.

5. Những đóng góp mới của Đề tài

5.1 Về lý luận:

+ Rà soát, tập hợp và củng cố bổ sung thêm lý luận về CCHC, CCTTHC trong Đảng, nhất là lý luận về các TTHC trong hoạt động của Văn phòng cấp ủy, Ban Tổ chức và Ủy Ban kiểm tra cấp ủy huyện và tỉnh.

+ Tập hợp, hệ thống hóa các TTHC trong công tác xây dựng và ban hành văn bản của cấp ủy các cấp; hoạt động lãnh đạo của Đảng đối với chính

quyền; công tác cán bộ của các cấp ủy; công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng và việc ứng dụng công nghệ thông tin.

+ Làm rõ, bổ sung thêm phần lý luận về vị trí, vai trò, đặc điểm, ý nghĩa, nguyên tắc xây dựng, ban hành và thực hiện CCTTHC trong các cơ quan Đảng tại tỉnh Bến Tre; quan niệm về CCTTHC từ khi Kết luận 82- KL/TW được ban hành.

+ Đề xuất được một số giải pháp chung và những giải pháp cụ thể về tổ chức nhằm tạo thuận lợi cho việc thực hiện CCTTHC trong hoạt động của các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

5.2 Về thực tiễn:

- Hiệu quả kinh tế

+ Giảm hội họp, giảm chi phí, giảm công sức đi lại của CB, đảng viên. Tổ chức *hội nghị trực tuyến* ngày càng tăng, vì vậy giúp giảm số lần hội họp, *hội nghị trực tiếp* do tỉnh, huyện tổ chức (Đạt chỉ tiêu Đề tài: giảm trên 20%). Qua đó, giúp cho huyện giảm bớt nhiều cuộc họp triển khai lại chỉ thị, nghị quyết sau khi phải đi dự hội nghị trực tiếp ở tỉnh, huyện về - giảm hàng chục lần, hàng trăm lượt CB huyện phải lên tỉnh dự và số cán bộ, đảng viên dự tại chỗ ở cơ sở được nhiều hơn, hiệu quả hơn). Cụ thể: Năm 2018, cấp tỉnh chỉ tổ chức có 2 cuộc hội nghị trực tuyến, đại biểu huyện dự: 1.125; đại biểu xã:

540. Năm 2019, 8 cuộc, đại biểu huyện dự: 1.490; đại biểu xã dự: 1.694. Năm 2020, 12 cuộc, đại biểu huyện dự: 441; đại biểu xã 1.694. Trong 4 tháng đầu năm 2021: 5 cuộc, đại biểu huyện: 1.565; đại biểu xã: 1.980. Tổ chức họp lồng ghép các nội dung, hoặc bố trí thời gian họp khoa học làm giảm số lần họp trong từng cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống đảng (giảm 50%).

+ Giảm phát hành văn bản giấy (đạt chỉ tiêu trên 80%): Tiết kiệm rất lớn về chi phí cho văn phòng phẩm, tài sản, phương tiện đi lại, lưu trữ tài liệu, điện nước, công phục vụ, chi phí đi lại của cơ quan, đơn vị trong hệ thống đảng.

+ Qua ứng dụng công nghệ thông tin trong CCTTHC công tác chỉ đạo điều hành của cấp ủy các cấp và tác nghiệp của các cơ quan đảng ngày càng thuận lợi, kịp thời, nhanh chóng, chính xác, hiệu quả; tiết kiệm được công sức, tiền của, thời gian rất lớn.

Giá trị quy ra tiền tiết kiệm được 6.951.260.000 đồng, thông qua các hoạt động nêu trên, trong thời gian thực hiện đề tài.

- Hiệu quả xã hội

+ Giảm thủ tục hành chính, giảm phiền hà cho CB, đảng viên và người dân khi có nhu cầu tiếp xúc với các cơ quan đảng để thực hiện các thủ tục hành chính.

+ Chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo hệ thống chính trị và quản lý xã hội sẽ ngày càng tăng do áp dụng CCTTHC thông qua việc ban hành nghị quyết, chỉ thị, công văn chỉ đạo ngày càng sâu sát thực tiễn của đời sống xã hội, giản tiện, dễ hiểu, dễ làm và làm đúng. Từ đó niềm tin của CB, đảng viên, người dân vào cơ quan, tổ chức, cấp ủy đảng, chính quyền ngày càng được củng cố hơn; Đảng gần dân hơn, sát cơ sở và nắm chắc cơ sở hơn.

+ Xã hội sẽ giải phóng được một lượng sức lao động, tài sản, nguyên vật liệu ... phục vụ cho các hoạt động hành chính, thủ tục hành chính, để dành nguồn lực đầu tư cho các lĩnh vực khác của xã hội cần thiết hơn, cấp bách hơn.

+ Qua thực hiện nhiệm vụ của đề tài, những thành viên chính của đề tài và những CB, đảng viên trực tiếp làm thủ tục hành chính của các cấp ủy, cơ quan đảng được nâng lên về trình độ nghiên cứu khoa học, tác phong, lề lối làm việc khoa học, nghiêm túc, hiệu quả hơn.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1 Những chủ trương của Trung ương về CCHC và CCTTHC trong Đảng

Trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định cải cách hành chính (CCHC) là một nhiệm vụ trọng tâm, Đảng phải tập trung lãnh đạo. Trong các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc, các văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương các nhiệm kỳ, Đảng ta đều quan tâm đến công tác CCHC và thể hiện quan điểm nhất quán của Đảng coi CCHC là một khâu quan trọng trong sự nghiệp đổi mới để phát triển đất nước.

1.2 Văn bản và hệ thống văn bản của Đảng, thẩm quyền ban hành và thể loại văn bản của Đảng

Theo Kết luận số 82-KL/TW ngày 16/8/2010 của Bộ Chính trị và Quy định số 66-QĐ/TW ngày 06/02/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng:

1.2.1 Văn bản và hệ thống văn bản của Đảng

- Văn bản của Đảng là loại hình tài liệu được thể hiện bằng ngôn ngữ viết tiếng Việt để ghi lại hoạt động của các tổ chức đảng, do các cấp ủy, tổ chức, cơ quan có thẩm quyền của Đảng ban hành (hoặc phối hợp ban hành) theo quy định của Điều lệ Đảng và của Trung ương.

- Hệ thống văn bản của Đảng gồm toàn bộ các loại văn bản của Đảng được sử dụng trong hoạt động của hệ thống tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở.

1.2.2 Ban hành Văn bản

Các cấp ủy, tổ chức, cơ quan đảng ban hành văn bản phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các văn bản của Đảng phải được viết bằng tiếng Việt, ngôn ngữ sử dụng trong văn bản của Đảng phải chính xác, phổ thông, cách diễn đạt phải rõ ràng, dễ hiểu, phù hợp với thể loại và đúng về thể thức.

1.2.3 Thể loại văn bản của Đảng

Thể loại văn bản là tên gọi của từng loại văn bản, phù hợp với tính chất, nội dung và mục đích ban hành của văn bản. Các thể loại văn bản của Đảng gồm: Cương lĩnh chính trị; Điều lệ Đảng; Chiến lược; Nghị quyết; Quyết định; Chỉ thị; Kết luận; Quy chế; Quy định; Thông tri; Hướng dẫn; Thông báo; Thông cáo; Tuyên bố; Lời kêu gọi; Báo cáo; Kế hoạch; Quy hoạch; Chương trình; Đề án; Phương án; Dự án; Tờ trình; Công văn; Biên bản.

Các loại văn bản, giấy tờ hành chính của Đảng: Các cấp ủy, tổ chức, cơ quan đảng thường dùng các loại văn bản, giấy tờ hành chính sau đây: Giấy giới thiệu; Giấy chứng nhận; Giấy đi đường; Giấy nghỉ phép; Phiếu gửi; Giấy mời; Phiếu chuyển; Thư công.

1.2.4 Văn bản và hệ thống văn bản của cấp uỷ tỉnh

Hệ thống văn bản của cấp uỷ tỉnh được quy định tại Điều 7, Quy định số 66-QĐ/TW ngày 06/02/2017 của Ban Bí thư về thể loại, thẩm quyền ban hành và thể thức văn bản của Đảng.

1.3 Vai trò của CCTTHC trong Đảng

1.4 Nghiên cứu về cải cách thủ tục hành chính trong Đảng

1.4.1 Về lý luận

Tại Việt Nam quan niệm về TTHC và CCTTHC đã có nhiều công trình do nhiều tác giả nghiên cứu. Trong số đó, có thể thấy rằng các nghiên cứu của PGS.TSKH Nguyễn Văn Thâm là đặc biệt nổi trội và có tính khái quát cao các vấn đề về TTHC. Cụ thể, cuốn sách của PGS.TSKH Nguyễn Văn Thâm và PGS.TS Võ Kim Sơn với tựa đề *Thủ tục hành chính: lý luận và thực tiễn* do Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành năm 2001 được xem là một trong những cuốn sách chuyên khảo có hàm lượng khoa học cao. Từ những nghiên cứu, các tác giả đã biên soạn cuốn *Giáo trình Thủ tục hành chính* được Nhà xuất bản Giáo dục in, tái bản nhiều lần và được sử dụng phục vụ giảng dạy tại nhiều trường Đại học. Ngoài ra, trong cuốn *Thuật ngữ hành chính* của tác giả Bùi Thế Vĩnh và Đinh Ngọc Hiện do Viện nghiên cứu hành chính, Học viện Hành chính quốc gia xuất bản năm 2002 cũng đã nêu rõ một số thông tin khái niệm về TTHC [8].

Bên cạnh đó, về mặt pháp lý ngày 08 tháng 06 năm 2010 Chính phủ ban hành Nghị định số 63/2010/NĐCP về *Kiểm soát Thủ tục hành chính* [9]. Trong đó đã khái niệm "*Thủ tục hành chính*" là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức; "*Trình tự thực hiện*" là thứ tự các bước tiến hành của đối tượng và cơ quan thực hiện TTHC trong khi giải quyết một công việc cụ thể cho cá nhân, tổ chức.

Đối với việc nghiên cứu về CCTTHC, đề tài cũng tham khảo, tra cứu một số văn bản có liên quan như cuốn sách "*Đo lường và đánh giá hiệu quả quản lý hành chính nhà nước những thành tựu trên thế giới và ứng dụng ở Việt Nam*" do PGS. TS Nguyễn Đăng Thành làm chủ biên cùng nhóm tác giả gồm PGS. TS. Lưu Kiếm Thanh, TS. Nguyễn Hoàng Quy, TS. Nguyễn Thị Thu Vân, ThS. Dương Dạch Long, ThS. Đoàn Văn Dũng xuất bản năm 2012 (NXB Lao động, Hà Nội). Trong cuốn sách này, nhóm tác giả đã có những nghiên cứu sâu, toàn diện và khái quát được những vấn đề về lý luận, thực tiễn của việc đánh giá hiệu quả quản lý hành chính nhà nước và việc "*Ứng dụng các thành tựu trên*

thế giới về đánh giá hiệu quả quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam".

Những nghiên cứu về TTHC và CCTTCH trong hoạt động điều hành của hệ thống cơ quan hành chính nhà nước rất đa dạng và phong phú nhưng nghiên cứu chuyên sâu về TTHC và CCTTCH trong Đảng nói chung, trong các cơ quan Đảng đặc thù chưa được thực hiện, các kết quả triển khai trên cơ bản là dựa vào thực tiễn và nhu cầu thay đổi trong lề lối làm việc của từng cá nhân, cơ quan và đơn vị.

1.4.2 Về thực tiễn

Trong thực tế, việc CCTTCH trong các cơ quan Đảng đã được triển khai thực hiện ở nhiều địa phương trong cả nước ở các cấp độ từ tỉnh/thành phố đến các quận/huyện. Hai trong số các tỉnh, thành phố triển khai mạnh mẽ CCTTCH trong Đảng đạt nhiều kết quả quan trọng trong những năm gần đây là Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh và Đảng bộ thành phố Cần Thơ.

1.5 Thực trạng CCTTCH trong các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre trước khi triển khai đề tài

Trong những năm qua, cùng với cả nước, tỉnh Bến Tre triển khai thực hiện nghiêm các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về CCHC nói chung, TTHC nói riêng. CCHC ở các cơ quan Nhà nước đã thực hiện nền nếp, ổn định và đạt kết quả ngày càng tốt hơn. Nhưng CCHC trong hệ thống các cơ quan Đảng còn khá mới mẻ. Từ khi có Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về: “Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước”, Tỉnh ủy đã xây dựng Chương trình hành động số 17-CTr/TU, ngày 17/10/2007 để thực hiện NQ TW 5 (khóa X). Tỉnh ủy cũng đã triển khai thực hiện Kết luận số 49- KL/TW, ngày 12/6/2009 của Bộ Chính trị khóa X về một số vấn đề đổi mới cách ra nghị quyết, chỉ thị và việc quán triệt, tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Sau khi có Kết luận số 82-KL/TW, ngày 16/8/2010 của Bộ Chính trị về cải cách thủ tục hành chính trong Đảng, Tỉnh ủy đã triển khai quán triệt và có các văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện như: Ban Thường vụ Tỉnh ủy có Công văn số 2032-CV/TU ngày 09/6/2014 về việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong Đảng, đề chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc đẩy mạnh việc thực hiện Kết luận số 82-KL/TW. Tỉnh cũng đã triển khai thực hiện nghiêm các chỉ đạo

của Trung ương như: Quy định số 269-QĐ/TW ngày 25/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan Đảng; Quy định số 01-QĐ/VPTW ngày 07/4/2011 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc gửi nhận văn bản trên mạng thông tin điện rộng của Đảng; Quy định số 66-QĐ/TW ngày 06/02/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về thể loại, thẩm quyền ban hành và thể thức văn bản của Đảng; Hướng dẫn số 36-HD/VPTW ngày 03/4/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản của Đảng; Hướng dẫn số 22- HD/VPTW ngày 22/3/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng về ban hành một số văn bản của các cơ quan lãnh đạo đảng cấp tỉnh, thành phố.

Ngày 04/3/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 07-CT/TU về việc đẩy mạnh cải cách hành chính trong hệ thống chính trị giai đoạn 2016-2020. Chỉ thị nêu rõ: “Thực hiện cải cách hành chính một cách đồng bộ ở các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể các cấp”. Trên cơ sở đó các ban đảng, đảng ủy trực thuộc đã xây dựng chương trình hành động, hoặc kế hoạch, công văn, quy định, quy trình để chỉ đạo và triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương, của Tỉnh ủy về CCHC, chủ yếu là CCTTHC trong Đảng. Đến nay, CCTTHC trong Đảng đã đạt được những kết quả bước đầu trên các lĩnh vực, ở các ban đảng, các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy như: công tác tổ chức cán bộ, đảng viên; công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong đảng; công tác xây dựng, thẩm định, ban hành các văn bản của Đảng; tổ chức họp, hội nghị, hội thảo; tổ chức đi công tác ở cơ sở,... Ngày 29/12/2020, Tỉnh ủy đã ban hành Đề án số 01-ĐA/TU về Cải cách hành chính giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó nêu rõ: Tập trung cải cách TTHC, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; xây dựng môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, minh bạch nhằm giảm thiểu chi phí về thời gian và kinh phí của các doanh nghiệp trong việc tuân thủ TTHC; đảm bảo nguyên tắc chỉ duy trì và ban hành mới những TTHC thật sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp và tiết kiệm ... Thực hiện đồng bộ, thống nhất công tác CCTTHC trong tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

Một số kết quả trọng tâm (có liên quan đến CCTTHC trong Đảng, MTTQ, các đoàn thể) qua 3 năm triển khai thực hiện Chỉ thị 07-CT/TU của Ban

Thường vụ Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh cải cách hành chính trong hệ thống chính trị giai đoạn 2016-2020.

1.5.1 Mặt được

- Các quy định, quy trình, hướng dẫn của Trung ương đã được các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, đoàn thể trong tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện; công tác xây dựng và ban hành văn bản lãnh đạo của Đảng từng bước được chuẩn hóa góp phần cụ thể hóa chủ trương của Đảng; các thủ tục hành chính ngày càng đầy đủ, chặt chẽ, được công khai, minh bạch, được rà soát, sửa đổi, bãi bỏ theo hướng đơn giản hóa, thuận tiện cho tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên; trong đó, có vận dụng cắt giảm một số nội dung, quy trình không phù hợp; đồng thời, tăng cường phối hợp, kiểm tra, giám sát chặt chẽ, trách nhiệm giữa các cơ quan trong hoạt động, ứng dụng công nghệ thông tin nên giảm được văn bản giấy tờ, rút ngắn thời gian thực hiện, ngăn ngừa tình trạng cán bộ, đảng viên gây phiền hà đối với người dân và doanh nghiệp; nâng cao vai trò nêu gương, trách nhiệm phục vụ nhân dân, góp phần thực hiện tốt công tác CCHC trong hệ thống chính trị.

- Đã bổ sung, sửa đổi quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy khóa X, nhiệm kỳ 2015 - 2020; Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và mối quan hệ công tác của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quy chế về ban hành các văn bản của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quy định về quy trình thông qua văn bản của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy; Quy định về tổ chức các chuyến đi công tác cơ sở, tham dự các cuộc mít-tinh, lễ hội và đón tiếp khách; Quy định về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Quy trình kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng ...Tuy nhiên qua thời gian thực hiện, các quy trình, quy định này đã bộc lộ một số bất cập, cần tiếp tục rà soát chấn chỉnh bổ sung.

- Tình hình và kết quả ứng dụng CNTT phục vụ cải cách thủ tục hành chính trong các cơ quan đảng tỉnh Bến Tre:

Hoàn tất triển khai phần mềm Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp (Lotus Notes 8.5) giao diện Web tích hợp giải pháp bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ cho các cơ quan đảng trong tỉnh, cụ thể các đơn vị như: Văn phòng Tỉnh ủy, các ban đảng tỉnh, huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; các Đảng ủy xã, phường, thị trấn trong tỉnh và các ban tại các huyện ủy, thành ủy.

Triển khai ứng dụng chữ ký số cho tổ chức và cá nhân các cơ quan Đảng đến cấp huyện, hiện tại văn bản phát hành qua mạng (kể cả mạng nội bộ và mạng Internet) đa số đều sử dụng chữ ký số, tiếp tục đăng ký bổ sung và triển khai ứng dụng chữ ký số hoàn tất đến cấp xã trong năm 2019.

Triển khai ứng dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành hoạt động trên mạng Internet cho tất cả các cơ quan đảng và đoàn thể tỉnh để trao đổi văn bản không mật, đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin giúp công tác chỉ đạo, điều hành các cấp ủy được thuận lợi, nhanh chóng, kết hợp ứng dụng mã định danh cho các cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh theo Quy định số 15- QĐ/VPTW ngày 30/01/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng về mã định danh của các cơ quan đảng trên mạng máy tính.

Kết quả: đã sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành iOffice trong năm 2018 ở 698 đơn vị (trong đó khối Đảng, đoàn thể 247 đơn vị), với 8.686 tài khoản người dùng (trong đó khối Đảng, đoàn thể 1.213 tài khoản). Kết nối liên thông gửi nhận văn bản giữa Văn phòng UBND tỉnh với Văn phòng Chính phủ trên trục liên thông quốc gia; giữa cấp tỉnh với cấp huyện, cấp xã trên trục liên thông của tỉnh. Tỷ lệ trao đổi văn bản liên thông giữa các cơ quan hành chính Nhà nước dưới dạng điện tử đạt 74%. Số lượng cán bộ, công chức được cấp hộp thư điện tử cấp tỉnh có 827 người, tỷ lệ: 100%; cấp huyện 846 người, tỷ lệ: 100%; cấp xã 3.278 người, tỷ lệ: 96,3%. Ngoài ra, Sở Thông tin và Truyền thông đã cấp thêm tài khoản thư điện tử theo yêu cầu các cơ quan thuộc khối Đảng, Đoàn thể, Công an, Quân sự nhằm đảm bảo an toàn

thông tin. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thường xuyên đạt trên 65%; tỷ lệ cơ quan sử dụng thường xuyên đạt 80%.

1.5.2 Mặt chưa được cần khắc phục khi triển khai thực hiện Đề tài

- Công tác CCHC, đặc biệt là CCTTHC chưa đồng bộ trong hệ thống chính trị. CCTTHC trong Đảng, Mặt trận, đoàn thể còn chậm nên một vài nội dung đạt hiệu quả chưa cao. Công tác rà soát quy định TTHC ở một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quyết liệt, còn hình thức nên hiệu quả chưa cao, chưa kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ những TTHC không còn phù hợp.

- Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng, nội dung, công việc cụ thể thực hiện CCTTHC trong các cơ quan Đảng, Mặt trận, đoàn thể, địa phương. Một số đồng chí ngán ngại cải cách, thiếu tinh thần trách nhiệm, làm việc theo lối mòn, tác phong, phương pháp cũ, chưa chủ động trong công việc, đặc biệt trong việc ứng dụng CNTT thực hiện nhiệm vụ CCTTHC trong hệ thống Đảng.

- Thủ tục trình xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tổ chức đảng, đảng viên còn khá rườm rà; hoặc trình ký ban hành một chủ trương phải làm đến 2-3 tờ trình (tờ trình xin chủ trương, tờ trình xin trình ký văn bản sau khi được chấp thuận chủ trương...).

- Việc ứng dụng CNTT để quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên chưa đồng bộ, một số cấp ủy thiếu quan tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo cập nhật cơ sở dữ liệu đầy đủ theo quy định, nên gây khó khăn cho việc khai thác dữ liệu đảng viên.

- Nghiệp vụ công tác đảng, trình độ, năng lực cán bộ, chuyên viên làm công tác hành chính ở một số cơ quan Đảng hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu; vì vậy việc soạn thảo văn bản, thẩm định, tham mưu trình ký văn bản còn sai sót cả hình thức, thể loại, nội dung, kỹ thuật trình bày văn bản, nhất là các quy định về câu, từ, chữ viết hoa, không hoa. Việc tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ này trong những năm qua chưa được thường xuyên, nội dung tập huấn chưa cụ thể, thiết thực, đầy đủ.

- Một số cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan đến đảng viên và tổ chức đảng chưa hiểu

sâu, nắm chắc, tham mưu đúng, đủ, kịp thời nội dung, quy trình giải quyết, nên hiệu quả giải quyết không cao, kéo dài. Một phần do trình độ, công tác kiêm nhiệm và do có khá nhiều văn bản quy định chuyên sâu trong lĩnh vực này cần phải được hệ thống, tập huấn, trang bị kiến thức đầy đủ, thường xuyên.

- Việc ứng dụng CNTT phục vụ CCTTHC trong Đảng còn một số hạn chế: Nhận thức của một bộ phận lãnh đạo chưa sâu sắc và đầy đủ, một số cấp ủy chưa thấy rõ vai trò, tầm quan trọng của việc ứng dụng và phát triển CNTT nên thiếu chủ động, chưa kiên quyết ứng dụng CNTT nhằm đổi mới lề lối làm việc, CCTTHC, nâng cao chất lượng công tác. Cán bộ kỹ thuật CNTT còn thiếu về số lượng và yếu về chuyên môn, đặc biệt là ở cấp huyện, xã chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, thiếu cán bộ chuyên trách về CNTT. Nhiều cơ quan chưa tận dụng hết hạ tầng thiết bị CNTT đã được đầu tư để nâng cao hiệu quả hoạt động.

CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Phương pháp phân tích

2.2 Phương pháp lịch sử

2.3 Phương pháp điều tra, khảo sát

Phương pháp nghiên cứu này được dùng để thu thập thông tin, số liệu thứ cấp và sơ cấp để đánh giá thực trạng kết quả đạt được cũng như những hạn chế còn tồn tại trong việc cải cách TTHC trong hoạt động của các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Phương pháp này góp phần làm rõ hơn những vấn đề của thực tế, ví dụ như quan điểm về CCTTHC trong Đảng, những khó khăn vướng mắc nay trong lĩnh vực TTHC, những hạn chế khi thực hiện v.v... Đồng thời, cung cấp thông tin, số liệu của quá trình triển khai thực hiện các giải pháp của đề tài.

+ Cách chọn mẫu khảo sát: Phương pháp chọn mẫu có chủ đích (Purposes sampling) kết hợp với Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng (stratified random sampling).

+ Cỡ mẫu: 400 phiếu.

+ Đối tượng khảo sát: *Lãnh đạo* (nhóm ban hành chủ trương, chính sách): BTV Tỉnh ủy; BTV các huyện ủy, Thành ủy; phó các ban Đảng tỉnh; phó các ban Đảng huyện, Thành ủy. *Cán bộ phụ trách trực tiếp công tác CCTTHC*: Chánh, phó VPTU, trưởng phó các phòng thuộc VPTU; Chánh, phó văn phòng các huyện ủy thành ủy, trưởng các bộ phận thuộc văn phòng; đồng chí lãnh đạo phụ trách hành chính, văn thư của các ban đảng tỉnh, huyện. *Chuyên viên làm công tác hành chính, văn thư, lưu trữ* (người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ CCTTHC). Chuyên viên phòng HC-LT, các chuyên viên, nhân viên trực tiếp làm công tác hành chính, văn thư, lưu trữ cấp huyện và các ban đảng; Chuyên viên Phòng Tổng hợp và các chuyên viên trực tiếp soạn thảo văn bản cho VPHU; Chuyên viên Công nghệ - Thông tin; Chuyên viên Phòng Tài chính – Quản trị.

+ Mục đích, yêu cầu: qua khảo sát nắm tình hình thực tế, thu thập thông tin, số liệu, đề xuất, kiến nghị, đánh giá các vấn đề về CCTTHC trong đảng

2.4 Phương pháp chuyên gia và thực địa

Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia là cán bộ lãnh đạo cấp ủy tỉnh và huyện; tiến hành phỏng vấn các đối tượng khảo sát. Tổ chức kiểm tra các văn bản đã ban hành từ khi triển khai thực hiện đề tài (số lượng, trình tự, thể thức, kỹ thuật...); kết quả rà soát văn bản; kết quả thực hiện từng mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài theo từng lĩnh vực, địa phương. Làm việc nhóm: trao đổi trực tiếp giữa đoàn kiểm tra với nhóm theo dõi thực hiện CCTTHC của huyện và các đơn vị.

- Số lần kiểm tra:

+ Tại 05 đơn vị (2 lần): VPHU Ba Tri, VPThU Bến Tre, BTCTU, Cơ quan UBKTTU, VPTU 6 tháng/lần.

+ Tại 7 huyện còn lại: chỉ kiểm tra 1 lần vào thời điểm trước khi kết thúc đề tài để thu thập, cung cấp thêm thông tin góp phần xây dựng báo cáo tổng kết.

2.5 Phương pháp thống kê so sánh

2.6 Phương pháp tổng hợp hệ thống

CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Kết quả khảo sát thực tế và học tập kinh nghiệm

Trên cơ sở thực hiện các nội dung của Đề tài và làm rõ thêm các luận cứ, đề xuất các giải pháp CCTTHC trong đảng tại tỉnh Bến Tre, VPTU đã xây dựng kế hoạch số 121-KH/VPTU ngày 18/02/2020 và Kế hoạch số 98- KH/VPTU ngày 20/11/2019 về việc khảo sát thực tế và học tập kinh nghiệm tại Thành ủy Thành phố Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh. Ban chủ nhiệm Đề tài đã tổ chức đoàn công tác đến khảo sát, học tập kinh nghiệm tại hai đơn vị trên.



Hình 1: Ban Chủ nhiệm đề tài làm việc với Thành ủy thành phố Cần Thơ

Từ kết quả học tập kinh nghiệm tại hai đơn vị, Đoàn công tác đã nghiên cứu và rút ra một số kinh nghiệm, cụ thể:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố, các Thành ủy đã quyết liệt chỉ đạo CCHC trong các cơ quan Đảng như ban hành Chương trình hành động (TP. Hồ Chí Minh) hoặc thành lập Ban Chỉ đạo (TP. Cần Thơ) để triển khai nghiên cứu và lãnh, chỉ đạo triển khai, quán triệt đến các quận ủy,

huyện ủy, các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc tổ chức thực hiện các giải pháp CCTTHC trong các cơ quan Đảng. Trên cơ bản, công tác CCTTHC trong các cơ quan Đảng ở các đơn vị bước đầu đạt một số kết quả quan trọng. Các quy trình được chuẩn hóa, các giới hạn thời gian xử lý công việc được tuân thủ, góp phần rút ngắn thời gian thực hiện các quy trình; công tác phân cấp, phân quyền thông qua các quy định về trách nhiệm người đứng đầu tạo ra sự chuyển biến rõ rệt; việc ứng dụng CNTT đã góp phần nâng cao chất lượng công tác tham mưu của các cơ quan Đảng và hiệu quả lãnh đạo, điều hành của cấp ủy.

Tuy nhiên, việc CCTTHC trong các cơ quan Đảng tại Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ vẫn còn khó khăn, hạn chế nhất định: việc cụ thể hóa các văn bản của Trung ương chưa thống nhất; các quy định, quy chế chưa cập nhật kịp thời; các hướng dẫn, quy định của Trung ương chưa được hệ thống bằng bộ thủ tục cụ thể gây lúng túng cho các đơn vị triển khai thực hiện; một số văn bản của Trung ương đã hết hiệu lực một phần hoặc được điều chỉnh, bổ sung trong một văn bản khác gây khó khăn cho công tác tra cứu, vận dụng.



Hình 2: Quang cảnh buổi làm việc của Ban Chủ nhiệm Đề tài với Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh

Những bài học cho việc CCTTHC trong các cơ quan Đảng tại tỉnh Bến Tre là:

i) CCTTHC trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy cần tập trung đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền cho các cấp ủy, tổ chức đảng và các cơ quan tham mưu giúp việc của Tỉnh ủy; xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc chuẩn bị và trình Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy các đề án, nội dung đã được phân công.

ii) CCTTHC trong công tác tổ chức, cán bộ cần xây dựng quy trình xử lý hồ sơ và TTHC về công tác tổ chức cán bộ theo hướng tinh giản, hiệu quả, đồng bộ để sử dụng thống nhất trong toàn Đảng bộ. Đẩy mạnh việc phân cấp ủy quyền cho cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy về một, một số hoặc toàn bộ nội dung về công tác quản lý cán bộ diện BTV Tỉnh ủy quản lý.

iii) CCTTHC trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng cần sửa đổi, bổ sung các quy định, quy trình liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết tố cáo, xem xét thi hành kỷ luật, giải quyết khiếu nại kỷ luật theo hướng tinh giản, hiệu quả.

iv) CCTTHC trong công tác xây dựng và ban hành văn bản của cấp ủy cần quy định rõ thời gian tối đa hoàn thành việc xử lý, giải quyết đối với từng loại kiến nghị, đề xuất, xin chủ trương của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc. Các văn bản của cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc xin ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên chỉ gửi đúng một cơ quan cấp trên trực tiếp có trách nhiệm, thẩm quyền giải quyết công việc; không gửi cùng lúc hai hoặc nhiều cơ quan, không gửi vượt cấp, dưới cấp hoặc gửi cho những cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân khác.

v) CCTTHC trong lãnh đạo, quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại nên ban hành hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại cho phù hợp với Hướng dẫn 05 của Ban Đối ngoại Trung ương.

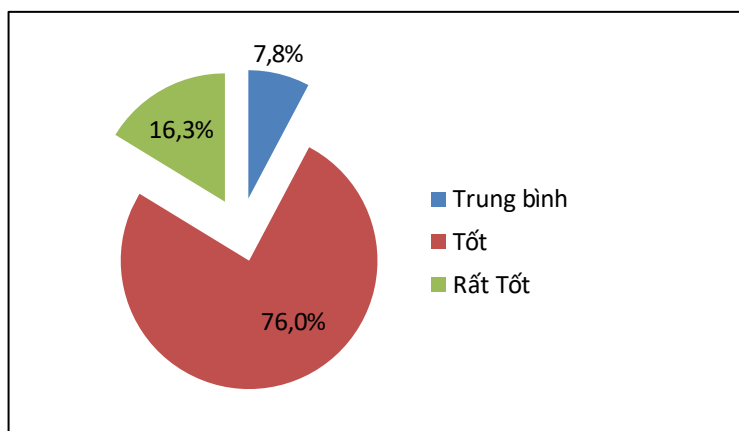
Kết quả sau hai cuộc khảo sát thực tế và học tập kinh nghiệm đã cung cấp những thông tin và bài học kinh nghiệm góp phần xây dựng căn cứ và củng cố cơ sở để Ban chủ nhiệm đề tài khẳng định mục tiêu và định hướng nghiên

cứu là phù hợp thực tiễn; làm rõ hơn những nhóm nội dung và định hình các câu hỏi cần thiết trong các bảng hỏi cần cho việc tiến hành khảo sát hiện trạng thu thập thông tin phục vụ cho nghiên cứu.

3.2 Kết quả khảo sát thực trạng và kết quả thực hiện các giải pháp CCTTHC trong cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre

3.2.1 Khảo sát hiện trạng các TTHC trong các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre

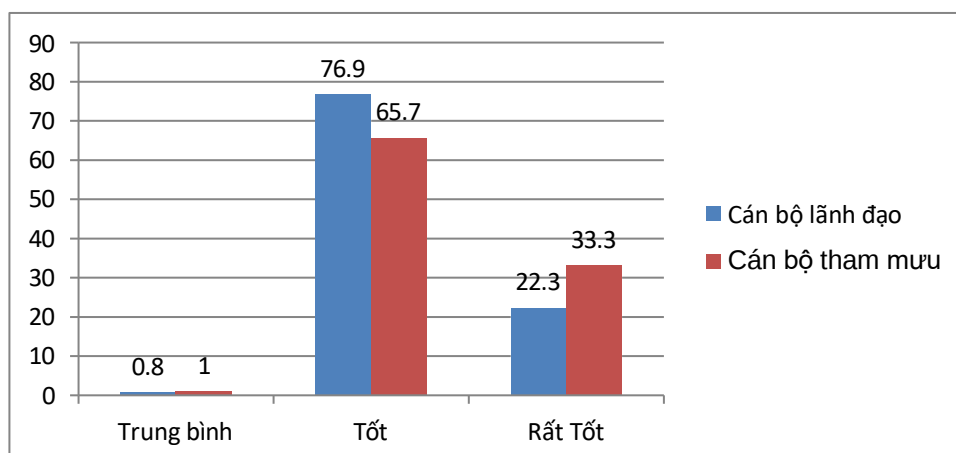
3.2.1.1 Đối với công tác điều hành, xây dựng và ban hành văn bản hành chính



Hình 3: Đánh giá của UVBTV về kết quả thực hiện quy chế của cấp ủy

Bảng 1: Kết quả đánh giá về chất lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy

Thành phần khảo sát	Trung bình	Tốt	Rất Tốt
Cán bộ lãnh đạo	0,8	76,9	22,3
Cán bộ tham mưu	1,0	65,7	33,3



Hình 4: Mức độ đánh giá chất lượng văn bản điều hành của Tỉnh ủy

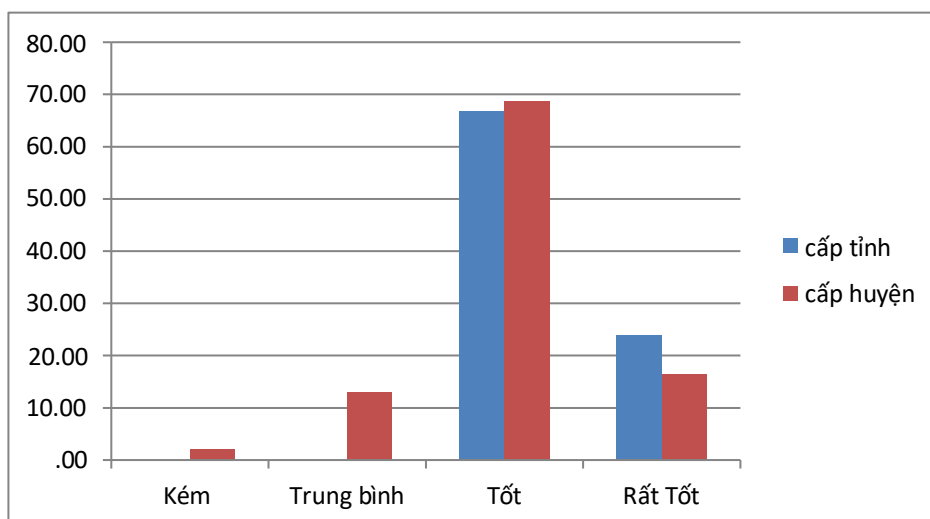
Có thể thấy rằng công tác lãnh, chỉ đạo thực hiện CCTTHC trong Đảng được quan tâm thực hiện ở các cấp; có 89,4% đồng chí là UVBTV cấp ủy tỉnh và huyện đánh giá công tác này thực hiện tốt và rất tốt. Tuy nhiên, khi đánh

giá về mức độ lãnh chỉ đạo về CCTTHC ở cấp tỉnh, có 90,5% cán bộ tham mưu trả lời tốt và rất tốt; trong khi đó, ở cấp huyện đạt tỷ lệ thấp hơn (85,1%).

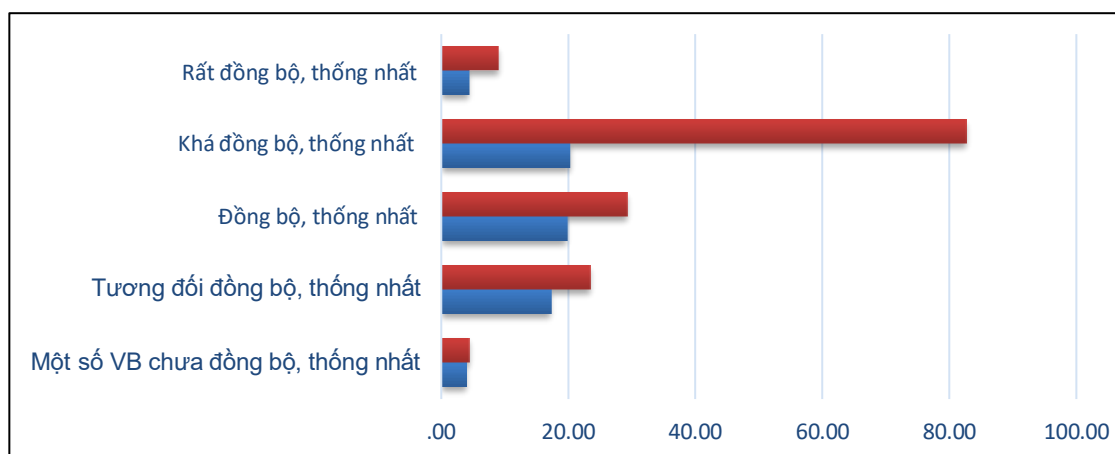
Bảng 2: Đánh giá mức độ lãnh, chỉ đạo của cấp ủy tỉnh và huyện đối với công tác CCTTHC

(ĐVT:%)

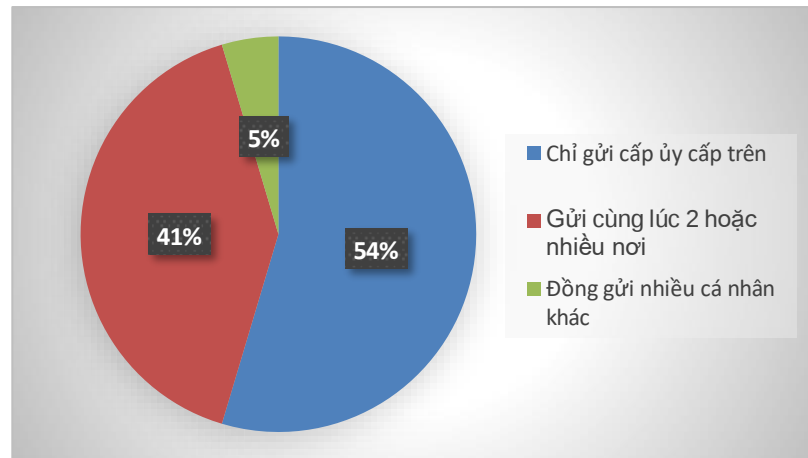
	<i>Kém</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Tốt</i>	<i>Rất Tốt</i>	<i>Tốt/Rất Tốt</i>
Cấp ủy tỉnh	0	9,5	66,7	23,9	90,5
Cấp ủy huyện	2,0	12,9	68,7	16,4	85,1



Hình 5: Đánh giá mức độ chỉ đạo CCTTHC trong Đảng của cấp ủy tỉnh và huyện



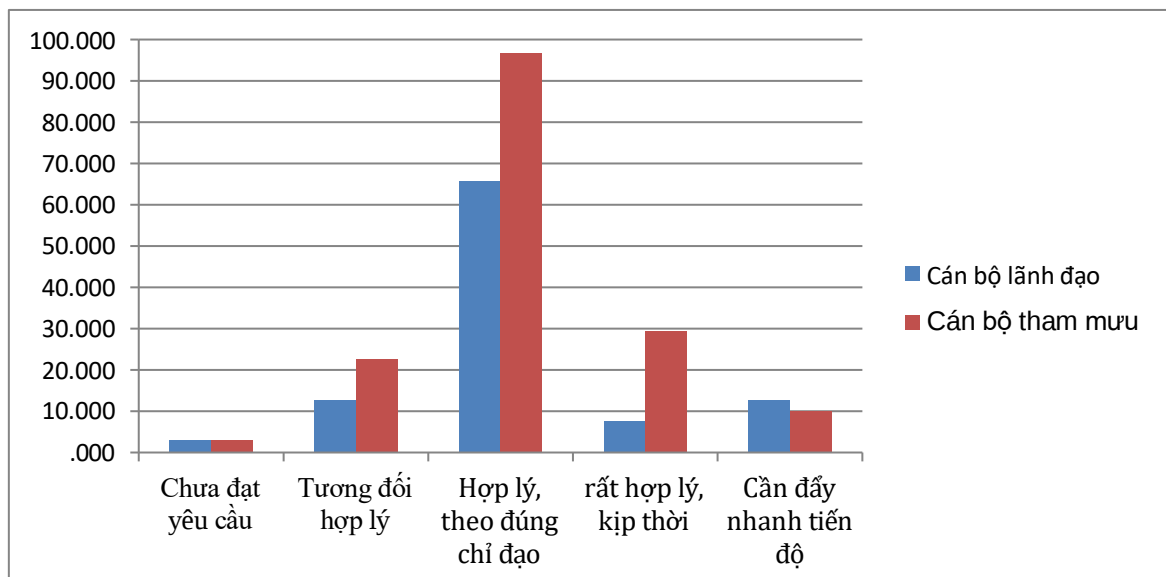
Hình 6: Đánh giá về mức độ đồng bộ, thống nhất về quy trình, thủ tục ban hành các văn bản của cơ quan Đảng



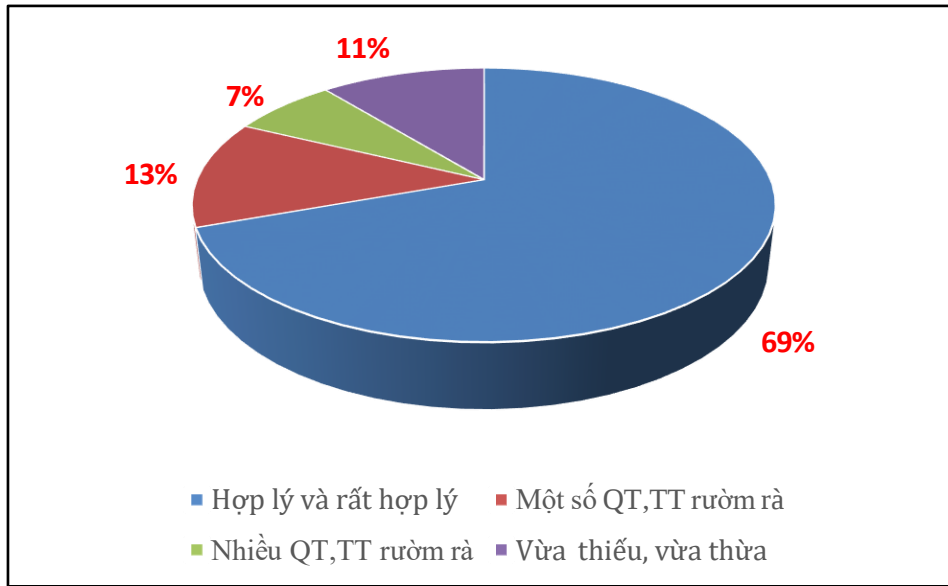
Hình 7: Đánh giá việc đồng gửi văn bản thỉnh thị ý kiến hoặc hướng dẫn của cấp ủy cấp dưới đến cấp ủy cấp trên

3.2.1.2 Đối với công tác tổ chức, quản lý cán bộ, đảng viên

Từ kết quả khảo sát cho thấy có 69,2% số người được hỏi đánh giá việc sắp xếp và tổ chức lại các cơ quan Đảng theo hướng tinh gọn, đơn giản là hợp lý và theo đúng chỉ đạo của Trung ương và có đến 11,4% cho rằng việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy các cơ quan Đảng không chỉ hợp lý mà cần phải tiếp tục đẩy nhanh tiến độ hơn nữa, tránh thực hiện sáp nhập theo phương pháp cộng cơ học mà phải sắp xếp đúng người, đúng việc, phát huy sở trường, năng lực cán bộ, sử dụng tốt người tài.

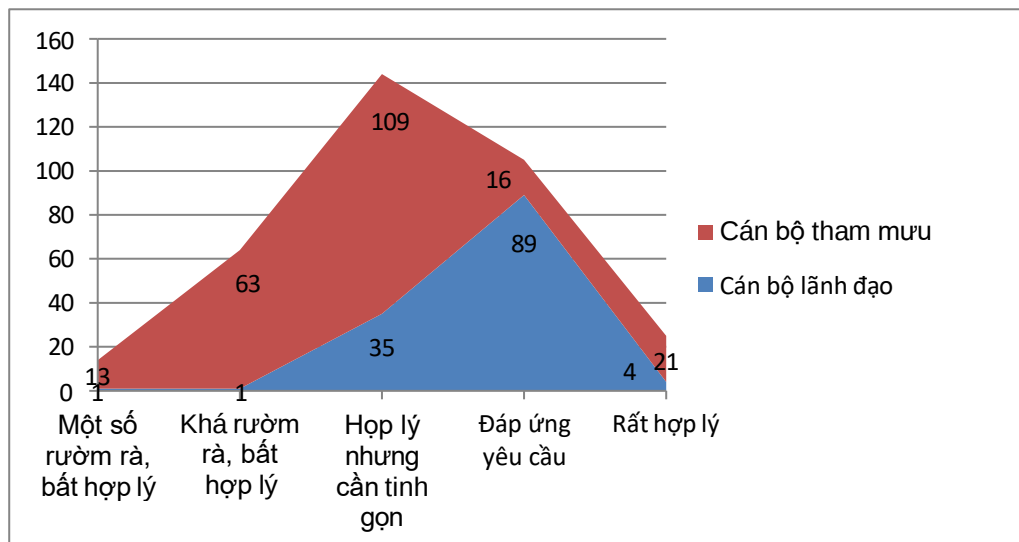


Hình 8: Đánh giá việc sắp xếp và tổ chức lại các cơ quan Đảng



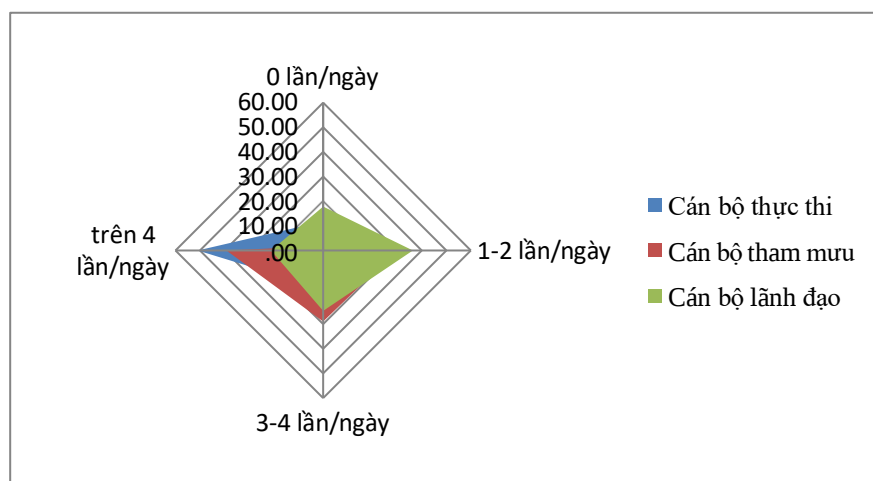
Hình 9: Biểu đánh giá quy trình, thủ tục liên quan công tác cán bộ

3.2.1.3 Đối với công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng và giải quyết khiếu nại tố cáo



Hình 10: Biểu đồ đánh giá về Hệ thống các biểu mẫu nghiệp vụ công tác kiểm tra giám sát (Đvt: phiếu khảo sát)

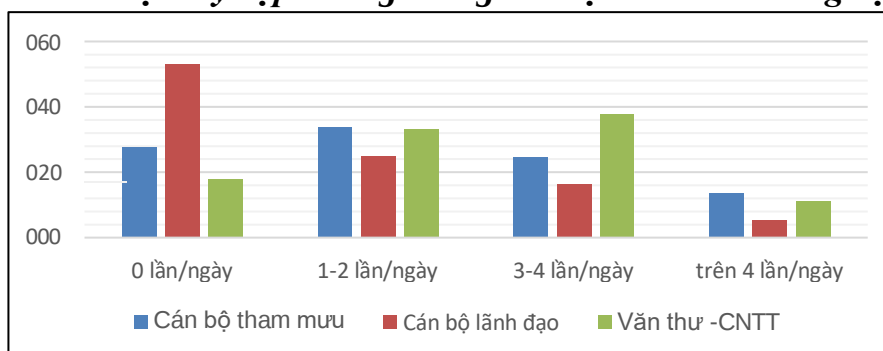
3.2.1.4 Đối với việc ứng dụng CNTT trong điều hành hoạt động của các cơ quan Đảng



Hình 11: Kết quả đánh giá mức độ truy cập iOffice của các nhóm cán bộ

Về nguyên nhân hạn chế sử dụng hòm thư công vụ, có các nguyên nhân chính là: khó đồng bộ, cài đặt trên thiết bị di động; chưa thông dụng, chưa có phần mềm (app) chuyên dụng trên thiết bị di động, giới hạn dung lượng tệp đính kèm và không được tích hợp nhiều tiện ích lưu trữ như dịch vụ mail miễn phí.

Hình 12: Mức độ truy cập Trang thông tin điện tử BCH Đảng bộ tỉnh



3.2.1.5 Nhận định chung về kết quả khảo sát hiện trạng

- Công tác lãnh, chỉ đạo thực hiện CCTTHC trong Đảng được quan tâm thực hiện nhưng chưa đồng bộ, chưa đều, còn mang ý thức “chấp hành”, thiếu tư duy sáng tạo trong thực thi nhiệm vụ và đề xuất thay đổi lề lối làm việc. Ngoài ra, còn nguyên nhân khách quan là chưa có tiêu chí rõ ràng đối với hoạt

động hành chính trong các cơ quan Đảng nên việc CCTTHC chưa có nền tảng cụ thể.

- Việc thực hiện quy chế của các cơ quan khối Đảng trong tỉnh được thực hiện nghiêm túc từ cấp ủy tỉnh đến cơ sở, có được cập nhật cho phù hợp với các văn bản chỉ đạo mới nhưng còn thiếu đồng bộ, một phần do lỗi mòn trong tư duy điều hành của lãnh đạo cấp ủy, người đứng đầu.

- Hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy có chất lượng tốt nhưng việc vận dụng và cụ thể hóa thiếu đồng bộ. Việc ban hành các văn bản của từng cấp ủy vẫn còn nhiều bất cập, còn trường hợp sao chép mang tính cụ thể hóa theo hình thức. Việc thống nhất hình thức văn bản cụ thể hóa đối với nghị quyết, chỉ thị của Trung ương khi về Tỉnh ủy, đến cấp ủy huyện và cơ sở vẫn chưa có quy định cụ thể; hệ thống đánh giá chất lượng đảng viên, tổ chức đảng đáp ứng yêu cầu chung nhưng cần cập nhật, bổ sung phù hợp thực tế.

- Chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan Đảng được đánh giá đáp ứng yêu cầu, có tinh thần trách nhiệm cao; tuy nhiên cần phải tiếp tục nâng cao hơn nữa năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, nhất là ở các ban đảng; việc sắp xếp và tổ chức lại các cơ quan Đảng theo hướng tinh gọn, đơn giản là hợp lý đã được triển khai nhưng chưa đồng bộ, tiến độ còn chậm, cần tiếp tục nghiên cứu để có sự thống nhất, đồng thuận cao.

- Việc phân cấp, phân quyền quản lý đảng viên và chất lượng về các quy định quản lý đảng viên được đánh giá ở mức tương đối, nhưng trách nhiệm, phương pháp quản lý, giáo dục đảng viên ở một số chi bộ chưa cao, chưa thật sự tốt; mối quan hệ giữa cấp ủy đảng nơi công tác và nơi cư trú chưa chặt chẽ, thường xuyên, cần có những quy định cụ thể, rõ ràng hơn.

- Công tác tiếp nhận, giải quyết đơn, thư khiếu nại tố cáo của nhân dân và công tác thi hành kỷ luật Đảng viên vi phạm được thực hiện tốt, cơ bản tạo được nền nếp. Tuy nhiên, hệ thống và quy trình kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật còn nhiều khô, bất cập, mất nhiều thời gian; đồng thời, một số biểu mẫu thuộc lĩnh vực này còn phức tạp.

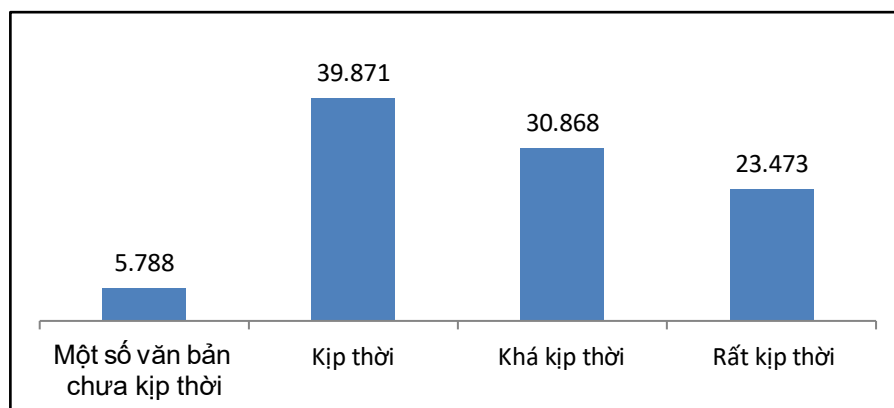
- Việc tiếp cận sử dụng thiết bị di động thông minh và ứng dụng CNTT đã được triển khai thực hiện tốt ở các cơ quan Đảng nhất là đối với các cán bộ trẻ. Mức độ số hóa văn bản dần được nâng lên nhưng việc lưu trữ đồng thời văn bản giấy và điện tử là giải pháp chính hiện nay do đó mục tiêu giảm văn bản giấy thực hiện còn hạn chế. Chữ ký số được đánh giá cao nhưng tính pháp lý và quy chế sử dụng chưa cụ thể.

- Hệ thống thông tin điều hành iOffice được đánh giá cao, tiện lợi và kịp thời trong công tác lãnh đạo điều hành nhưng vẫn cần tiếp tục cải tiến, nhất là công cụ tìm kiếm (thuật toán), quản lý thông tin, văn bản theo chuỗi, khó lập hồ sơ công việc trên hệ thống và chưa liên kết tin nhắn miễn phí ngoài mạng Vinafone. Ngoài ra, việc sử dụng đồng thời hai hệ thống Lotus Notes 8.5 và iOffice cũng tạo ra bất cập, phiền hà.

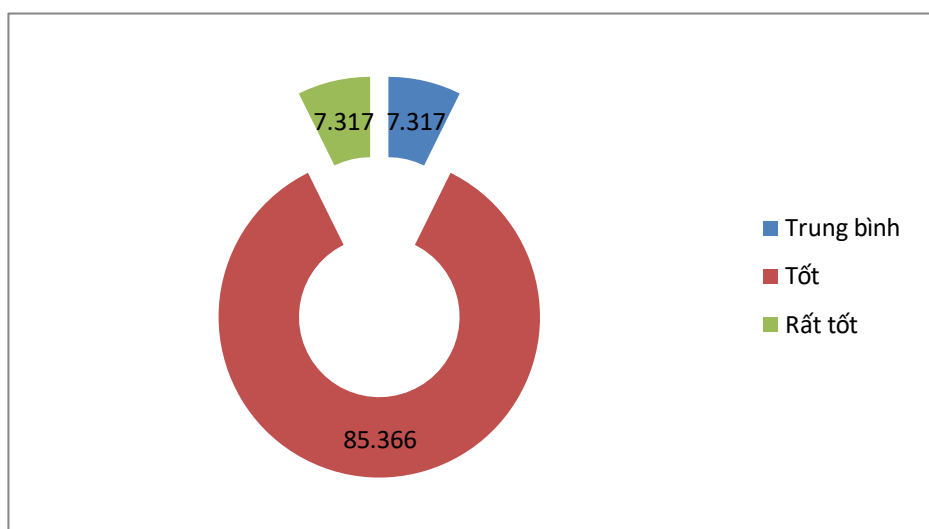
- Việc sử dụng hòm thư công vụ và mức độ truy cập vào Website Tỉnh ủy ở một số cán bộ, đảng viên còn rất hạn chế, nguyên nhân một phần do thiếu sự tiện lợi và chưa có nhiều tính năng ưu việt hơn so với những hình thức khác; Website Tỉnh ủy nội dung, hình ảnh còn nặng về định hướng chính trị, tin nhanh, chưa có những nghiên cứu chuyên sâu, chưa tạo được không gian trao đổi, học hỏi kinh nghiệm cho cán bộ, nhân viên làm việc trong các cơ quan Đảng.

3.2.2 Khảo sát kết quả thực hiện các giải pháp CCTHC của Đề tài

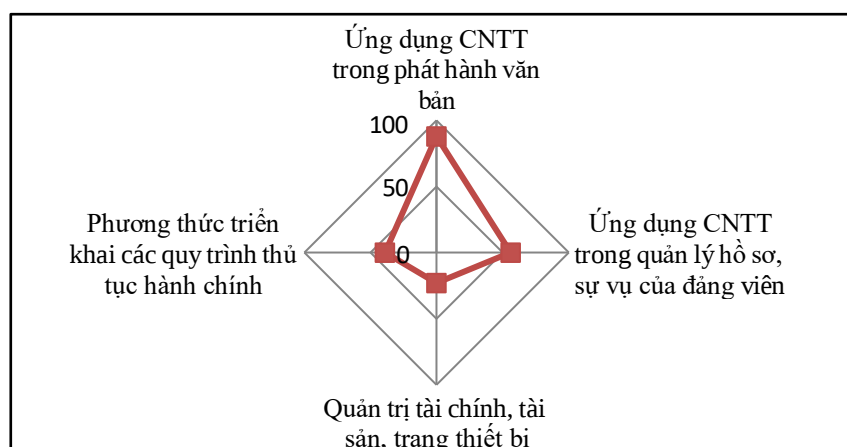
3.2.2.1 Đối với công tác điều hành, xây dựng và ban hành văn bản hành chính



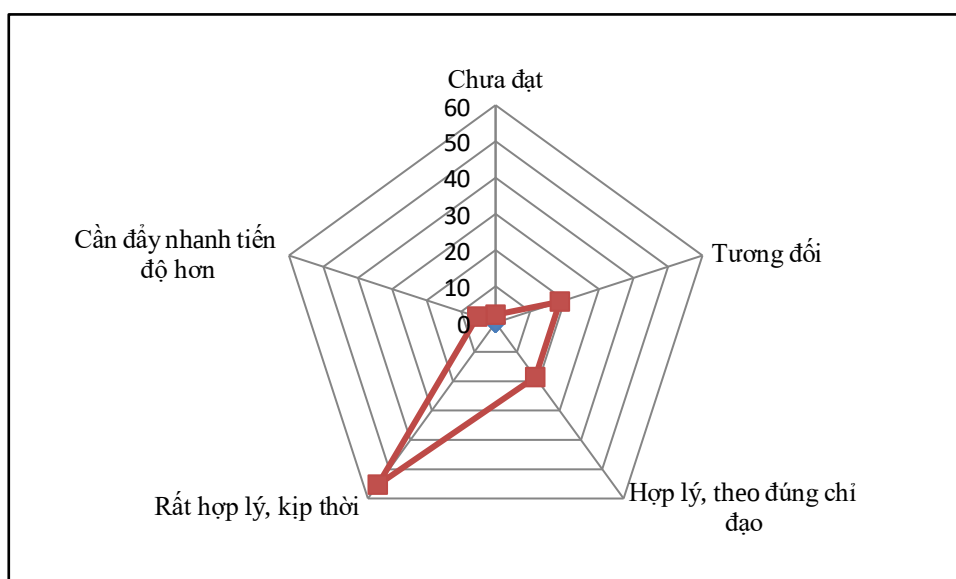
Hình 13: Đánh giá mức độ kịp thời của văn bản điều hành của Tỉnh ủy



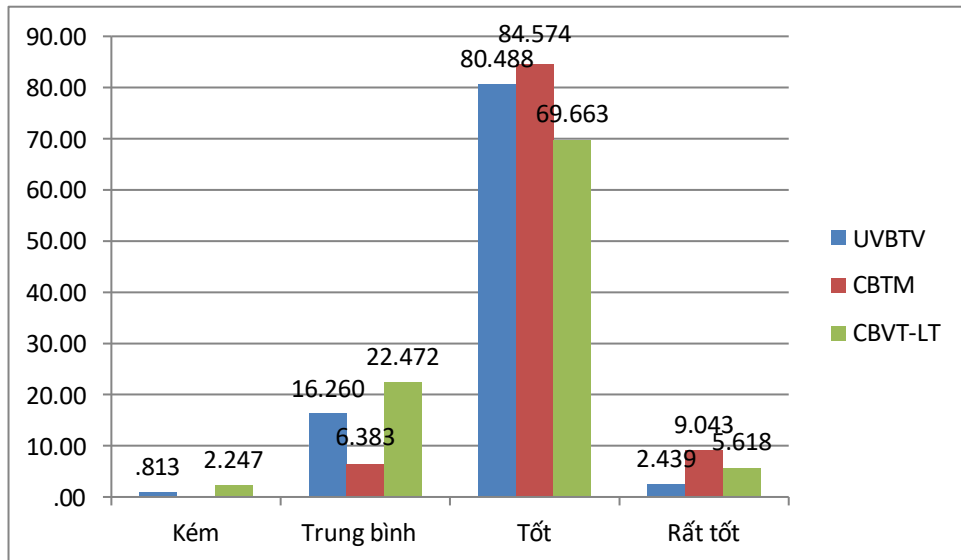
Hình 14: Đánh giá công tác chỉ đạo triển khai thực hiện các giải pháp CCTHC



Hình 15: Các lĩnh vực có khả năng CCTHC tại UBKT và BTC
 3.2.2.2 Đối với công tác tổ chức, quản lý cán bộ, đảng viên

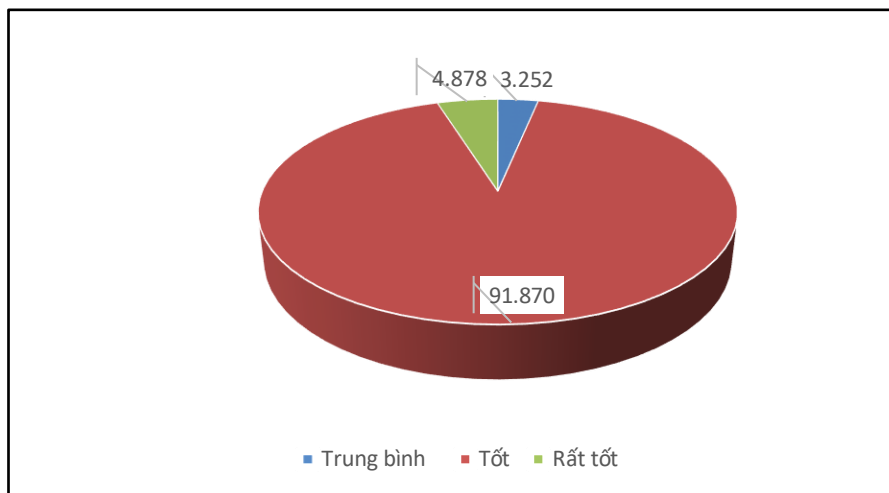


Hình 16: Kết quả khảo sát về tính hợp lý của việc sắp xếp các phòng, ban



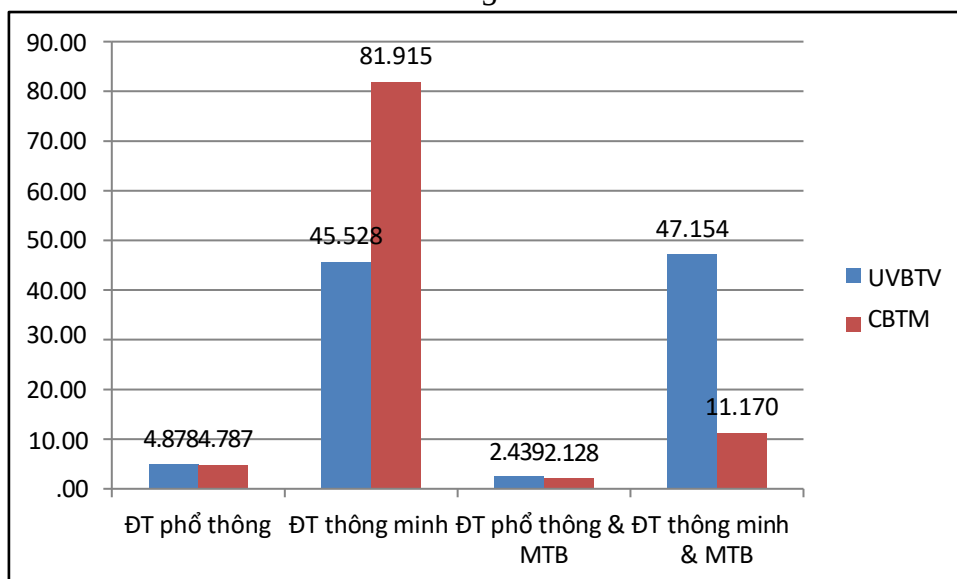
Hình 17: Kết quả khảo sát đánh giá mức độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

3.2.2.3 Đối với công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng và giải quyết khiếu nại tố cáo

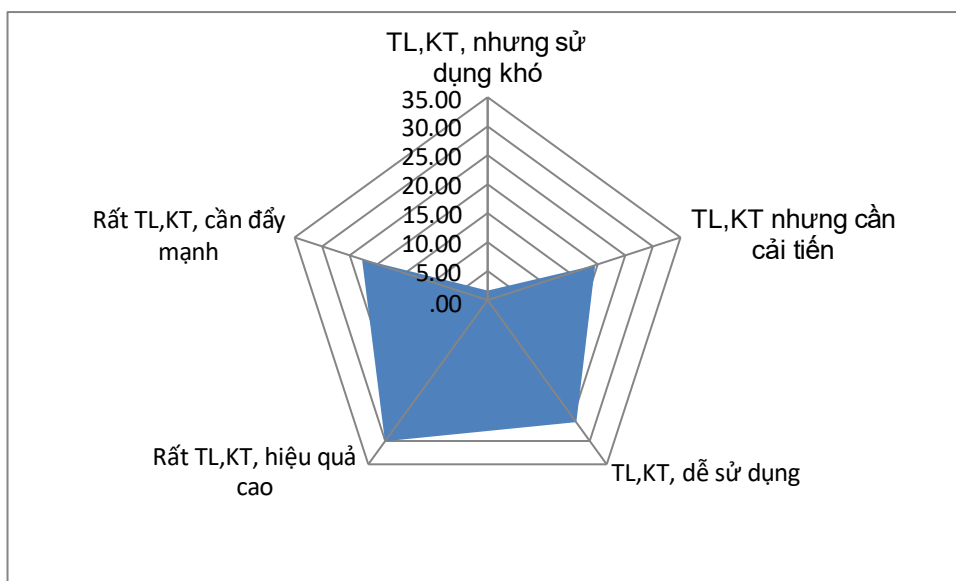


Hình 18: Đánh giá về hiệu quả quy trình thủ tục đang được thực hiện

3.2.2.4 Đối với việc ứng dụng CNTT trong điều hành hoạt động của các cơ quan Đảng



Hình 19: Thống kê tỷ lệ sử dụng thiết bị di động thông minh



Hình 20: Đánh giá mức độ tiện lợi, kịp thời của Hệ thống iOffice

3.2.2.5 Nhận định và so sánh kết quả khảo sát việc thực hiện các giải pháp CCTTHC trong các cơ quan Đảng tại tỉnh Bến Tre

3.3 Kết quả rà soát văn bản và chuẩn hóa các TTHC

3.3.1 Rà soát văn bản và các quy trình thủ tục hành chính

3.3.1.1 Lĩnh vực công tác thuộc văn phòng cấp ủy

VPTU đã hoàn thành rà soát **24.105 văn bản**. Trong đó, có **118 văn bản** của Tỉnh ủy liên quan đến quy trình, quy định, quy chế (gồm 103/118 văn bản còn tiếp tục thực hiện; 03/118 văn bản cần sửa đổi, bổ sung; 09/118 văn bản cần ban hành mới; 01/118 văn bản phải thay thế; 01/118 văn bản phải bãi bỏ; 01/118 văn bản sắp hết hạn) và **19 văn bản** của Văn phòng Tỉnh ủy liên quan đến các quy trình (gồm 15/19 văn bản còn tiếp tục thực hiện; 04/19 văn bản cần

ban hành mới). Qua kết quả rà soát cho thấy:

a) *Đối với quy trình tiếp nhận và xử lý văn bản đến và đi*: Trước đây 02 quy trình này áp dụng theo Quy định 01-QĐ/VPTU ngày 05/10/2011 của VPTU nhưng khi VPTU chuyển sang sử dụng phần mềm iOffice thì không còn phù hợp. Vì các bước của 02 quy trình này đều thực hiện trên máy tính, chỉ những văn bản gấp, văn bản mật mới sử dụng giấy và tất cả các văn bản đi phát hành nội bộ qua phần mềm iOffice không còn chuyển vào mục “Tra cứu văn bản” trên mạng nội bộ Lotus Notes 8.5.

b) *Đối với công tác soạn thảo, thẩm định, trình ký, phát hành văn bản* đã được quy định cụ thể và triển khai thực hiện trong 03 quy định của BTV Tỉnh ủy¹, 01 quy chế của VPTU² các văn bản quy định của cấp ủy huyện và tương đương. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, vẫn còn một số đơn vị, tổ chức chậm trong việc trình văn bản phục vụ các cuộc họp, hội nghị theo quy định; trình ký văn bản gấp chưa đảm bảo các bước quy trình thông qua văn bản, một số văn bản trình nội dung chưa nêu rõ công việc và kết quả đạt được cụ thể, chưa đáp ứng yêu cầu. Từ thực tế, để phục vụ kịp thời, đáp ứng tốt yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy trong thời gian tới, VPTU đã ban hành Công văn số 3134-CV/VPTU ngày 20/4/2020 về phối hợp trình ký văn bản gấp và hạn chế những sai sót.

c) *Đối với công tác phối hợp chuẩn bị lịch công tác và nội dung các cuộc họp, hội nghị, làm việc của Thường trực, BTV cấp ủy* được quy định cụ thể trong 02 quy định, 01 quyết định của Tỉnh ủy³, 01 quyết định của BTV Tỉnh ủy⁴ và các văn bản quy định của cấp ủy huyện. Nhìn chung, các quy định, quyết định đã thể hiện đầy đủ các bước quy trình, có quy định thời gian thực hiện cụ thể. Tuy nhiên, việc đăng ký, mời Thường trực dự, chủ trì một số hội nghị, hoạt động của ngành, địa phương có lúc còn chậm hoặc không đăng ký trước theo quy định, gây ảnh hưởng chung đến lịch làm việc của các ngành, địa phương khác,...Nguyên nhân một phần do sự thiếu chủ động của các đơn vị, một phần do việc tổ chức các cuộc họp, hội nghị của Trung ương.

d) *Đối với công tác tiếp nhận và phối hợp đề xuất xử lý đơn, thư khiếu*

¹ Quy định Số 01-QĐ/TU ngày 22/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về quy trình thông qua văn bản Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy”; Quy định Số 10-QĐ/TU ngày 22/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về ban hành một số văn bản của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy”; Quy định Số 1046-

QĐ/TU ngày 12/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, “về chế độ báo cáo Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy”.

² Quy chế số 09-QC/VPTU ngày 02/01/2020 của Văn phòng Tỉnh ủy về công tác văn thư và công tác lưu trữ.

³ Quy định số 13-QĐ/TU ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Tỉnh ủy “về tổ chức các chuyến đi công tác cơ sở, các cuộc mít-tinh, lễ hội và tiếp khách của các đơn vị trên địa bàn tỉnh”; Quy định 800-QĐ/TU ngày 23/4/2019 của Tỉnh ủy “Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy”; Quyết định Số 801-QĐ/TU ngày 23/4/2019 của Tỉnh ủy “về ban hành quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy khoá X, nhiệm kỳ 2015-2020”.

⁴ Quyết định Số 836-QĐ/TU ngày 5/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Ban hành quy chế về quan hệ công tác giữa Văn phòng Tỉnh ủy với các cơ quan và đảng uỷ trực thuộc Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy”.

nại, tổ cáo, VPTU đã căn cứ, thực hiện theo Quy định số 33-QĐ/TU ngày 9/9/2019 của BTV Tỉnh uỷ về “Công tác tiếp dân và xử lý đơn, thư gửi đến Thường trực Tỉnh ủy”; làm đúng chức năng, nhiệm vụ. Quy định số 33- QĐ/TU được nêu các đầu việc thuộc trách nhiệm của VPTU rất cụ thể, nên không cần điều chỉnh, bổ sung thêm nội dung.

e) Đối với công tác chuẩn bị tổ chức các chuyến công tác cơ sở, dự mít-tinh, hội nghị của Thường trực Tỉnh ủy được thực hiện theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ, BTV và Thường trực Tỉnh ủy và các huyện ủy, thành ủy⁵. Đây là hoạt động được thực hiện ngay sau khi lịch, chương trình làm việc của Thường trực, BTV cấp ủy được xác định; tuy nhiên, đây là hoạt động gắn với đi cơ sở do đó, công tác chuẩn bị đòi hỏi sự phối hợp giữa địa phương, các đơn vị tham mưu với Văn phòng cấp ủy và giữa các đơn vị, phòng chuyên môn trực thuộc Văn phòng; đặc biệt, việc chuẩn bị tài liệu, bài phát biểu, ý kiến chỉ đạo là quan trọng, đòi hỏi kịp thời, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của lãnh đạo cấp ủy các cấp.

f) Đối với việc phối hợp tổ chức các cuộc họp, hội nghị trực tuyến được thực hiện theo Quy chế số 05-QC/VPTU ngày 26/09/2018 của VPTU về hội nghị trực tuyến VPTU với văn phòng các ban đảng tỉnh, huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, qua đó công tác chuẩn bị cho các cuộc họp, hội nghị thông suốt, thuận lợi, đáp ứng yêu cầu.

Đối với công tác quản lý sử dụng tài chính, tài sản các cơ quan Đảng hiện nay được điều chỉnh bởi rất nhiều quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Trong quá trình áp dụng, các chế độ chính sách thường xuyên thay đổi, với nhiệm vụ tham mưu việc quản lý, sử dụng tài chính tài sản của Đảng, bộ phận Tài chính – Quản trị của Văn phòng cấp ủy thường xuyên rà soát các văn bản quy định về chế độ quản lý, sử dụng tài chính, tài sản không còn phù hợp, kịp

thời kiến nghị, đề xuất bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành mới để phù hợp với quy định của Đảng và Nhà nước và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo phục vụ tốt hoạt động của cấp ủy.

⁵ Quy định số 821-QĐ/TU ngày 24/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Tổ chức các chuyến đi công tác cơ sở, dự các cuộc mít-tinh, lễ kỷ niệm, đại hội, hội nghị và tiếp khách trong nước của các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy”

Qua kết quả rà soát văn bản cho thấy, các quy định, quy chế làm việc của cấp ủy từng lúc được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thực tế. Chương trình công tác toàn khóa và hàng năm của Ban Chấp hành Đảng bộ, của BTV và lịch làm việc hàng tuần của Thường trực đảm bảo khoa học, hợp lý. Các văn bản của cấp ủy, tổ chức Đảng trực thuộc xin ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên chỉ gửi đúng một cơ quan cấp trên trực tiếp có trách nhiệm, thẩm quyền giải quyết công việc; không đồng gửi cùng lúc hai hoặc nhiều cơ quan, không gửi vượt cấp, dưới cấp. Ngoài ra, BTV cấp ủy đã ban hành các văn bản quy định về quy trình thông qua văn bản Ban Chấp hành, BTV và Thường trực của cấp ủy, trong đó quy định rõ các loại văn bản hành chính của Đảng được thông qua Ban Chấp hành, BTV và Thường trực, đồng thời quy định về thời gian tối đa hoàn thành việc xử lý, giải quyết đối với từng loại kiến nghị, đề xuất, xin chủ trương của các cấp ủy, tổ chức Đảng trực thuộc⁶. Việc sử dụng chữ ký số trong gửi, nhận văn bản điện tử đã được triển khai đồng thời tích hợp vào hệ thống quản lý văn bản và điều hành để trao đổi văn bản trên môi trường mạng giữa các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định⁷. Hệ thống iOffice được triển khai tại 100% các cơ quan Đảng, đoàn thể tỉnh, huyện, thành phố và đảng ủy xã, phường, thị trấn trong tỉnh. Trang Thông tin điện tử Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bến Tre từng bước đã thể hiện được là cầu nối thông tin giữa các cấp ủy Đảng với các tổ chức và công dân; giao diện thường xuyên được cập nhật, chỉnh sửa, nhằm đảm bảo tính thẩm mỹ, phù hợp với các yêu cầu trên mạng Internet.

⁶ Chẳng hạn sau khi tiếp nhận văn bản của cấp trên, Thường trực Huyện ủy có ý kiến chỉ đạo triển khai, Văn phòng Huyện ủy có trách nhiệm truyền đạt ý kiến chỉ đạo bằng văn bản (công văn, phiếu chuyển, sao y) hoặc trao đổi trực tiếp với đơn vị tham mưu xử lý trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, những văn bản/đến có dấu chỉ các mức độ khẩn phải xử lý, giải quyết trước và phát hành ngay trong ngày...; hay như quy định thời gian gửi và nhận lại kết quả lấy ý kiến đóng góp từ 03 đến 05 ngày làm việc, trường hợp khẩn, thời gian lấy ý kiến có thể từ 01 đến 02 ngày làm việc hoặc phải theo ý kiến của người chỉ đạo.

⁷ Thông tư 185/2019/TT-BQP ngày 04/12/2019 của Bộ Quốc phòng về việc hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng chính phủ và Quy định số 20-Qđi/TU ngày 02/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc quản lý, sử dụng chữ ký số các cơ quan đảng tỉnh.

Tuy nhiên, công tác xây dựng và ban hành văn bản của các cấp ủy có hiện tượng “lạm phát văn bản”; rất nhiều văn bản, từ nghị quyết đến chương trình, kế hoạch bao trùm trên tất cả các lĩnh vực nhưng nguồn lực thực hiện không có, nội dung trùng lặp, giải pháp, biện pháp để thực hiện được các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra không rõ ràng, cụ thể. Chất lượng tham mưu, dự thảo văn bản của một số đơn vị chưa cao, một số đồng chí là chủ thể được lấy ý kiến đóng góp thường phản hồi là thống nhất, không có góp ý kiến nên chưa phát huy tối đa trí tuệ tập thể. Hoạt động hành chính tại các Văn phòng cấp ủy đang được thực hiện trên cơ sở các quy định, quy chế theo một quy trình chưa hoàn thiện, còn phụ thuộc vào nhận thức và phương pháp quản trị công việc của cá nhân, tổ chức nên đôi lúc còn sai sót, công tác phối hợp có khi chưa chặt chẽ, công tác tham mưu từng vụ việc có kết quả và chất lượng khác nhau.

Ngoài ra, VPTU nhận thấy việc ban hành bổ sung một số văn bản để cụ thể hóa công tác điều hành lãnh đạo của cấp ủy tỉnh và của văn phòng là cần thiết, đảm bảo hiệu quả công tác tham mưu của các cơ quan giúp việc. Cụ thể: (i) Quy định về công tác văn thư ở VPTU; (ii) Quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ mạng kết nối Internet của VPTU; (iii) Quy chế về thi đua, khen thưởng ở VPTU; (iii) Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng VPTU.

3.3.1.2 Lĩnh vực tổ chức, xây dựng Đảng và quản lý đảng viên

Về công tác xây dựng và ban hành các văn bản: BTCTU và các huyện ủy, thành ủy đã quy định cụ thể về thời gian, quy trình xử lý, soạn thảo, thẩm định và trình các văn bản từ chuyên viên đến lãnh đạo phòng và ban lãnh đạo; quy định rõ thời gian đối với từng loại văn bản theo yêu cầu. Đối với các văn bản tham mưu cho cấp ủy, sau khi ban lãnh đạo thống nhất, Ban Tổ chức có Tờ trình đối với từng văn bản để xin ý kiến cấp ủy, BTV hoặc Thường trực; sau khi được cấp có thẩm quyền thống nhất, Ban có tờ trình để lãnh đạo ký ban hành văn bản. Nhìn chung, trong thời gian qua công tác xây dựng và ban hành các văn bản đã duy trì thực hiện tốt.

Công tác tổ chức đảng và đảng viên: về thủ tục thực hiện phải đúng theo quy định Thi hành Điều lệ Đảng, từng nội dung cụ thể về tổ chức Đảng, đảng viên được quy định cụ thể, rõ ràng và thực hiện đầy đủ từ Trung ương đến chi bộ, nên khó có thể cải cách thủ tục ở cấp tỉnh. Các nội dung theo thẩm quyền quyết định của BTV cấp ủy cấp trên cơ sở nhưng phải xin ý kiến Ban Thường vụ, để giảm bớt phiền hà và nâng cao chất lượng tham mưu của cơ quan tổ chức cấp dưới, cán bộ phòng chuyên môn sẽ được giao trao đổi nghiệp vụ với các đơn vị trước, sau khi thống nhất trình văn bản chính thức báo cáo, xin ý kiến BTV cấp ủy trực tiếp.

Về khen thưởng định kỳ hàng năm: Trên cơ sở đề nghị của BTV các đơn vị trực thuộc, Ban Tổ chức cấp ủy tỉnh và huyện sẽ tổng hợp, thẩm định, lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan, sau đó trình BTV cấp ủy trực tiếp xem xét quyết định; khi có ý kiến của BTV cấp ủy, Ban Tổ chức dự thảo quyết định khen thưởng (kèm danh sách) trình Thường trực cấp ủy ký (qua Văn phòng) không phải làm tờ trình để trình ký quyết định.

Công tác cán bộ: Các bước thực hiện các quy trình tương đối đơn giản, cụ thể, phương pháp đánh giá cán bộ có đổi mới, khoa học, tạo được không khí thoải mái, kết quả đánh giá có sát thực tế hơn. Việc theo dõi cán bộ đi công tác nước ngoài thực hiện có nền nếp do văn bản quy định cụ thể, rõ ràng, dễ thực hiện (nhất là những văn bản quy định của Trung ương).

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ: căn cứ quy định đối tượng, tiêu chuẩn, ngành đào tạo, bồi dưỡng, Ban Tổ chức thẩm định, đề xuất chọn cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng thông qua Hội đồng xét duyệt đối với lớp cao cấp chính trị hệ tại chức, sau đó trình BTV hoặc Thường trực xem xét quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ. Nhìn chung qua thực hiện các quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cụ thể, rõ ràng dễ thực hiện.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ: Công tác bảo vệ chính trị nội bộ thực hiện theo chức năng, thẩm quyền của cấp ủy và theo phân cấp quản lý cán bộ

bao gồm việc nắm tình hình chính trị nội bộ, rà soát chính trị nội bộ, thẩm định tiêu chuẩn chính trị kết nạp đảng viên, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, điều động, bố trí cán bộ... Các đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch rà soát, thẩm tra, xác minh trình BTV phê duyệt từng quý trong năm. Đối với cấp ủy tỉnh, căn cứ đề án quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, các chức danh thuộc diện Tỉnh ủy quản lý và theo yêu cầu công tác cán bộ thường xuyên để đưa vào diện phải kết luận về tiêu chuẩn chính trị. Nhìn chung các văn bản của Đảng về công tác bảo vệ chính trị nội bộ quy định cụ thể, rõ ràng về trách nhiệm của cấp ủy, cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, do đó công tác bảo vệ chính trị nội bộ được thực hiện kịp thời, hiệu quả.

Qua kết quả rà soát văn bản cho thấy, BTCTU và các huyện ủy, thành ủy thường xuyên rà soát và tham mưu cấp ủy ban hành nhiều văn bản mới, văn bản điều chỉnh, bổ sung để hướng dẫn nghiệp vụ cho cấp dưới tổ chức thực hiện. ***Tuy nhiên***, đội ngũ cán bộ từ huyện đến cơ sở còn nhiều đồng chí chưa ngang tầm nhiệm vụ; cán bộ chuyên môn thường xuyên thay đổi nên nắm các quy định chưa đầy đủ; thái độ, phong cách phục vụ nhân dân chưa đạt chuẩn mực. Quy định về quy trình quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, bổ khuyết cấp ủy viên cấp huyện, cấp cơ sở đều theo 5 bước tuy là phát huy dân chủ nhưng cũng còn hình thức và mất nhiều thời gian chuẩn bị. Việc ứng dụng CNTT để quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên còn chưa đồng bộ, một số cấp ủy thiếu quan tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo cập nhật cơ sở dữ liệu đầy đủ theo quy định, nên gây khó khăn cho việc khai thác dữ liệu đảng viên; lý lịch cán bộ, kê khai tài sản tuy được khai đầy đủ từ đầu và bổ sung hàng năm nhưng không được số hóa để theo dõi, quản lý thuận tiện, phải viết lại từ đầu khi làm hồ sơ quy hoạch cấp ủy nhiệm kỳ mới hoặc khi được bổ nhiệm chức vụ mới... rất mất thời gian. Các văn bản quy định, hướng dẫn của cấp trên thường xuyên điều chỉnh nên cập nhật đôi lúc thiếu kịp thời.

3.3.1.3 Công tác kiểm tra giám sát, thi hành kỷ luật Đảng

Ủy ban Kiểm tra các cấp thường xuyên quan tâm tham mưu cho BTV cấp ủy kịp thời lãnh đạo sửa đổi, bổ sung các quy định, quy trình liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết tố cáo, xem xét thi hành kỷ luật, giải quyết khiếu nại kỷ luật của cấp ủy, BTV cấp ủy; xây dựng, ban hành hệ thống biểu mẫu nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng từ cấp tỉnh đến cơ sở. Đồng thời, tăng cường ứng dụng CNTT trong việc cập nhật, theo dõi, xử lý đơn thư tố cáo, khiếu nại, phản ánh, kiến nghị gửi đến Ủy ban Kiểm tra các cấp; quản lý thông tin đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra Đảng. Qua đó đã giúp cấp ủy và UBKT các cấp giải quyết kịp thời, đảm bảo quy trình, thủ tục và thẩm quyền, chưa có trường hợp nào xảy ra thiếu sót, nhiều cuộc kiểm tra, giám sát được rút ngắn về thời gian, nhưng vẫn đảm bảo quy trình và quy định của Trung ương, của tỉnh.

Qua kết quả rà soát văn bản cho thấy, các quy trình công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng được thực hiện trên cơ sở các quy trình của Trung ương, có vận dụng ban hành một số biểu mẫu đoàn kiểm tra chuyên đề nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động của đoàn. Các cấp ủy, tổ chức Đảng, ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện khá tốt các quy trình trên, góp phần nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát. ***Tuy nhiên***, một số cấp ủy cơ sở nhận thức về công tác kiểm tra, giám sát còn hạn chế; quy trình thực hiện các cuộc kiểm tra, giám sát vẫn còn nhiều bước, nhiều loại văn bản, trong khi đó cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát cấp cơ sở còn kiêm nhiệm, trình độ năng lực còn hạn chế nên gặp khó khăn trong việc xây dựng các văn bản phục vụ công tác kiểm tra, giám sát; việc ban hành từng quy trình riêng lẻ, gây khó khăn cho cán bộ, công chức cơ quan ủy ban kiểm tra trong việc lưu trữ, tra cứu để áp dụng thực hiện, nhất là sau khi có biến động về nhân sự ủy ban kiểm tra sau Đại hội, nhiều trường hợp thất lạc quy trình, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp; quyết định hướng dẫn về quy trình KT,GS,THKL Đảng được ban hành cụ thể đến từng cấp ủy, tổ chức đảng nhưng hồ sơ thủ tục thực hiện kiểm tra, giám sát nhất là đối với chi bộ dưới

cơ sở còn nhiều, khó khăn cho các tổ chức Đảng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; việc thực hiện 6 nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chuyên đề theo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tham mưu giúp việc cho cấp ủy còn hạn chế.

3.3.2 Chuẩn hóa các quy trình TTHC

CCTTHC trong Đảng đã được các cấp ủy Đảng nhận thức và tổ chức thực hiện đạt một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, đến nay đã gần 11 năm sau khi có Kết luận số 82-KL/TW, bộ TTHC của Đảng vẫn chưa được Trung ương ban hành, trong khi đó yêu cầu cải cách hành chính trong Đảng như Trung ương nhận định là nội dung quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội trong thời kỳ mới. Từ kết quả điều tra xã hội học và kinh nghiệm của các địa phương đang triển khai thực hiện các giải pháp CCTTHC trong các cơ quan Đảng. Từ kết quả khảo sát và công tác rà soát văn bản, VPTU, BTCTU và UBKTTU đã nghiên cứu, chuẩn hóa các quy trình thành Bộ TTHC.

Qua kết quả rà soát các hoạt động nghiệp vụ, các đơn vị đã củng cố các quy trình sẵn có, cập nhật căn cứ thực hiện, hoàn thiện quy trình và cụ thể hóa quy định thời gian thực hiện. Trong quá trình chuẩn hóa các quy trình, một số quy trình được thực hiện như sau:

Đối với quy trình tiếp nhận và xử lý văn bản đến và đi: để phù hợp hệ thống điều hành iOffice, VPTU đã vận dụng Quy định số 29-QĐ/VPTW của Văn phòng Trung ương Đảng ngày 25/12/2013 về công tác văn thư trong các tỉnh ủy, thành ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương để áp dụng vào thực tế trong tiếp nhận và xử lý văn bản đến và đi. Qua áp dụng cho thấy kết quả mang lại của 02 quy trình này các văn bản đến và đi được tiếp nhận, phát hành kịp thời, chính xác; đảm bảo lưu trữ có hệ thống, phục vụ công tác tra cứu hiệu quả.

Ngoài ra, để nâng cao chất lượng phục vụ và chương trình làm việc của Thường trực Tỉnh ủy và BTV Tỉnh ủy, VPTU đã tham mưu Thường trực Tỉnh

ủy ban hành Công văn số 2197-CV/TU ngày 17/4/2020 về thực hiện chặt chẽ quy trình thông qua văn bản đăng ký lịch làm việc của Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy để đề nghị các cấp ủy, các ban đảng, ngành, địa phương phối hợp với VPTU thực hiện nghiêm một số nội dung hạn chế nêu trên.

Các quy trình liên quan đến lĩnh vực tổ chức, xây dựng Đảng chủ yếu được sắp xếp, cụ thể hóa các bước để dễ thực hiện; trong đó, quy định rõ thời gian xử lý, giải quyết cho từng quy trình thủ tục đảm bảo hiệu quả thực hiện của từng quy trình. Ngoài ra, các văn bản hướng dẫn, quy định của Trung ương về lĩnh vực này nhiều, có một số văn bản hết hiệu lực, một số còn hiệu lực một phần hoặc được quy định hướng dẫn ở một văn bản khác. Do đó, hệ thống quy trình về công tác xây dựng Đảng giúp người thực hiện nhiệm vụ dễ dàn tra cứu cơ sở pháp lý cho từng quy trình.

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã hoàn thành rà soát 28 văn bản của Trung ương, 13 văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và 10 văn bản của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy ban hành trong 03 nhiệm kỳ 2005 - 2010, 2010 - 2015 và 2015 - 2020 liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng. Qua kết quả rà soát cho thấy, hầu hết các văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng được ban hành đều đảm bảo nội dung, căn cứ pháp lý, đúng thể thức, thẩm quyền, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng. Đồng thời phát hiện một số văn bản ban hành đã lâu không còn phù hợp với quy định hiện hành cần bổ sung, sửa đổi và một số văn bản cần điều chỉnh bước trong quy trình kiểm tra, giám sát.

3.3.2.1 Các quy trình thủ tục liên quan nghiệp vụ văn phòng cấp ủy

VPTU và các văn phòng cấp ủy huyện, thành phố đã cập nhật, bổ sung để cụ thể hóa các quy trình, cụ thể lĩnh vực văn phòng cấp ủy có 28 quy trình. Trong đó,

STT	Tên quy trình	Tên thủ tục hành chính	Tiêu chí đánh giá			Đánh giá chung	Ghi chú
			Căn cứ pháp lý	Quy trình	Phạm vi áp dụng		
* Lĩnh vực tiếp nhận, xử lý, tham mưu nội dung, ban hành, lưu trữ văn bản: 15 quy trình							
01	QT-01-VTLT	Quy trình tiếp nhận và xử lý văn bản đến.	Đạt	Đạt	tỉnh, huyện	Thực hiện đúng quy trình	Hệ thống hóa từ các quy định, có bổ sung.
02	QT-02-VTLT	Quy trình quản lý và phát hành văn bản đi.	Đạt	Đạt	tỉnh, huyện	Thực hiện đúng quy trình	Hệ thống hóa từ các quy định, có bổ sung.
03	QT-03-VTLT	Quy trình thu thập, bổ sung tài liệu vào lưu trữ cơ quan	Đạt	Đạt	tỉnh, huyện	Thực hiện đúng quy trình	Hệ thống hóa từ các quy định.
04	QT-04-VTLT	Quy trình giao nộp, tiếp nhận tài liệu lưu trữ vào Lưu trữ lịch sử của Đảng ở cấp tỉnh	Đạt	Đạt	Văn phòng Tỉnh ủy	Thực hiện đúng quy trình	Hệ thống hóa từ các quy định.
05	QT-05-VTLT	Quy trình chỉnh lý hồ sơ, tài liệu	Đạt	Đạt	tỉnh, huyện	Thực hiện đúng quy trình	Hệ thống hóa từ các quy định.
06	QT-06-VTLT	Quy trình cấp chứng thực lưu trữ đối với tài liệu thuộc thẩm quyền quản lý của Lưu trữ lịch sử của Đảng ở cấp tỉnh	Đạt	Đạt	Văn phòng Tỉnh ủy	Thực hiện đúng quy trình	Hệ thống hóa từ các quy định.
07	QT-07-VTLT	Quy trình hủy tài liệu lưu trữ tại cơ quan và xét hủy tài liệu hết giá trị tại lưu trữ lịch sử	Đạt	Đạt	tỉnh, huyện	Thực hiện đúng quy trình	Hệ thống hóa từ các quy định.
08	QT-08-VTLT	Giải mật, điều chỉnh độ mật tài liệu lưu trữ	Đạt	Đạt	tỉnh, huyện	Đang áp dụng	Hệ thống hóa từ các quy định.
09	QT-09-VTLT	Quy trình khai thác tài liệu lưu trữ	Đạt	Đạt	Văn phòng Tỉnh ủy, huyện ủy, thành ủy	Thực hiện đúng quy trình	Hệ thống hóa từ các quy định.
10	QT-10-VTLT	Quy trình soạn thảo, ban hành và tiếp nhận văn bản mật.	Đạt	Đạt	tỉnh, huyện	Thực hiện đúng quy trình	Hệ thống hóa từ các quy định.
11	QT-01-TH	Quy trình soạn thảo, thẩm định, trình ký, phát hành văn bản	Đạt	Đạt	tỉnh, huyện	Đang thực hiện	Hệ thống hóa từ các quy định
12	QT-02-TH	Quy trình phối hợp chuẩn bị lịch công tác và nội dung các cuộc họp, hội nghị, làm việc của Thường trực.	Đạt	Đạt	tỉnh, huyện	Đang thực hiện	Ban hành mới

STT	Tên quy trình	Tên thủ tục hành chính	Tiêu chí đánh giá			Đánh giá chung	Ghi chú
			Căn cứ pháp lý	Quy trình	Phạm vi áp dụng		
		Ban Thường vụ, Tỉnh ủy.					
13	QT-03-TH	Quy trình tiếp nhận và phối hợp đề xuất xử lý đơn, thư.	Đạt	Đạt	tỉnh, huyện	Đang thực hiện	Ban hành mới
14	QT-04-TH	Quy trình tổ chức các chuyến đi công tác cơ sở, dự các cuộc mít-ting, lễ kỷ niệm, đại hội, hội nghị của Thường trực Tỉnh ủy	Đạt	Đạt	tỉnh, huyện	Đang thực hiện	Sửa đổi, bổ sung
15	QT-05-TH	Quy trình tổ chức họp giao ban giữa văn phòng Tỉnh ủy và các văn phòng, ban đảng, đoàn thể	Đạt	Đạt	tỉnh, huyện	Đang thực hiện	Ban hành mới
* Lĩnh vực cơ yếu và ứng dụng công nghệ thông tin: có 08 quy trình							
16	QT-01-CYTT	Quy trình sửa chữa trang thiết bị công nghệ thông tin	Đạt	Đạt	tỉnh	Thực hiện đúng quy trình	Hệ thống hóa từ quy định.
17	QT-02-CYTT	Quy trình mua sắm hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin	Đạt	Đạt	tỉnh	Thực hiện đúng quy trình	Hệ thống hóa từ các quy định.
18	QT-03-CYTT	Quy trình xây dựng, triển khai hệ thống thông tin	Đạt	Đạt	Văn phòng Tỉnh ủy	Thực hiện đúng quy trình	Xây dựng mới
19	QT-04-CYTT	Quy trình tiếp nhận, quản lý, sử dụng các trang thiết bị, tài liệu kỹ thuật mật mã cơ yếu	Đạt	Đạt	Văn phòng Tỉnh ủy	Thực hiện đúng quy trình	Hệ thống hóa từ các quy định
20	QT-05-CYTT	Quy trình tiếp nhận và xử lý yêu cầu liên quan đến chữ ký số	Đạt	Đạt	Văn phòng Tỉnh ủy	Thực hiện đúng quy trình	Hệ thống hóa từ quy định.
21	QT-06-CYTT	Quy trình đăng tin, bài lên Trang thông tin điện tử Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bến Tre	Đạt	Đạt	Văn phòng Tỉnh ủy	Thực hiện đúng quy trình	Xây dựng mới
22	QT-07-CYTT	Quy trình vận hành hệ thống hội nghị trực tuyến	Đạt	Đạt	Văn phòng Tỉnh ủy	Thực hiện đúng quy trình	Xây dựng mới
23	QT-08-CYTT	Quy trình gửi nhận văn bản điện tử	Đạt	Đạt	tỉnh	Thực hiện đúng quy trình	Theo quy định.

STT	Tên quy trình	Tên thủ tục hành chính	Tiêu chí đánh giá			Đánh giá chung	Ghi chú
			Căn cứ pháp lý	Quy trình	Phạm vi áp dụng		
		mạng thông tin diện rộng của tỉnh ủy và mạng internet					
* Lĩnh vực Quản trị-Tài chính Đảng: Có 05 quy trình							
24	QT-01-TCQT	Quy trình lập dự toán ngân sách, chấp hành ngân sách và quyết toán ngân sách Đảng	Đạt	Đạt	tỉnh, huyện	Thực hiện đúng quy trình	Hệ thống hóa từ các quy định.
25	QT-02-TCQT	Quy trình quản lý và sử dụng đảng phí	Đạt	Đạt	tỉnh, huyện	Thực hiện đúng quy trình	Hệ thống hóa từ các quy định.
26	QT-03-TCQT	Quy trình mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản từ nguồn kinh phí thường xuyên đối với các cơ quan của Đảng	Đạt	Đạt	tỉnh, huyện	Thực hiện đúng quy trình	Hệ thống hóa từ các quy định.
27	QT-04-TCQT	Quy trình quản lý và sử dụng xe ô tô công	Đạt	Đạt	tỉnh, huyện	Thực hiện đúng quy trình	Hệ thống hóa từ các quy định.
28	QT-05-TCQT	Quy trình thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ đối với các cơ quan Đảng tỉnh	Đạt	Đạt	tỉnh, huyện	Thực hiện đúng quy trình	Hệ thống hóa từ các quy định.

3.3.2.2 Các quy trình thủ tục liên quan lĩnh vực tổ chức, xây dựng đảng và quản lý đảng viên

Qua kết quả rà soát, tổng hợp, Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã chuẩn hóa 22 quy trình, gồm:

- (i) Quy trình đánh giá cán bộ;
- (ii) Quy trình quy hoạch cán bộ thuộc diện BTV Tỉnh ủy quản lý;
- (iii) Quy trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ;
- (iv) Quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;
- (v) Tiếp nhận và quyết định điều động cán bộ không thuộc diện BTV tỉnh ủy quản lý;
- (vi) Cho ý kiến đi nước ngoài hoặc tham gia các hoạt động có yếu tố nước ngoài;

- (vii) Quy trình tiếp nhận đặc biệt trong tuyển dụng công chức;
- (viii) Quy trình thủ tục thi tuyển công chức;
- (ix) Quy trình thủ tục thi nâng ngạch công chức từ chuyên viên lên chuyên viên chính hoặc từ cán sự lên chuyên viên;
- (x) Quy trình thủ tục xét chuyển cán bộ, công chức xã thành công chức huyện trở lên;
- (xi) Quy trình thủ tục xét tuyển viên chức;
- (xii) Quy trình thủ tục tiếp nhận đặc biệt vào viên chức;
- (xiii) Quy trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II;
- (xiv) Quy trình thủ tục chuyển ngạch lương từ chuyên viên (chuyên viên chính) sang kiểm tra viên (kiểm tra viên chính), giảng viên (giảng viên chính) và ngược lại;
- (xv) Quy trình thủ tục xét hưởng phụ cấp thâm niên nghề (kiểm tra đảng, nhà giáo) lần đầu;
- (xvi) Quy trình thủ tục nâng lương trước thời hạn;
- (xvii) Quy trình thủ tục nghỉ hưu đúng tuổi và thôi việc;
- (xviii) Quy trình kết nạp quần chúng là chức sắc, chức việc trong tôn giáo vào đảng;
- (xix) Quy trình thủ tục cho đảng viên tham gia giữ chức sắc, chức việc tôn giáo;
- (xx) Quy trình thủ tục kết nạp lại người vào đảng;
- (xxi) Quy trình thủ tục xét tặng huy hiệu;
- (xxii) Quy trình thủ tục đề nghị xét khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên định kỳ.

3.3.2.3 Các quy trình thủ tục liên quan nghiệp vụ KT, GS, THKL Đảng

Từ kết quả rà soát, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã chuẩn hóa 5 quy trình thuộc thẩm quyền của BTV Tỉnh ủy và 14 quy trình do UBKTTU thực hiện liên quan đến công tác KT,GS,THKL Đảng, bao gồm:

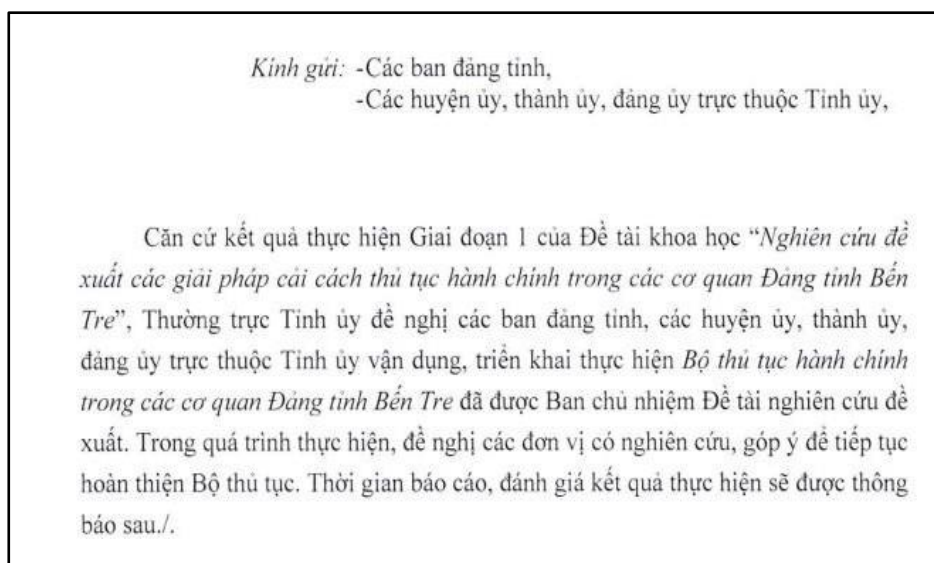
- (i) Quy trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xem xét, thi hành kỷ luật đối với đảng viên là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.
- (ii) Quy trình kiểm tra, chuyên đề của BTV Tỉnh ủy
- (iii) Quy trình giám sát chuyên đề của BTV Tỉnh ủy.
- (iv) Quy trình kiểm tra cấp ủy viên cùng cấp chấp hành.
- (v) Quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật Đảng của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, BTV Tỉnh ủy.
- (vi) Quy trình giám sát chuyên đề đối với tổ chức đảng và đảng viên của UBKTTU;
- (vii) Quy trình kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm;
- (viii) Quy trình kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm;
- (ix) Quy trình giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện BTV Tỉnh ủy quản lý;
- (x) Quy trình giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy;
- (xi) Quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với đảng viên;
- (xii) Quy trình kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát;
- (xiii) Quy trình kiểm tra việc thi hành kỷ luật đảng;
- (xiv) Quy trình kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới;
- (xv) Quy trình kiểm tra tài chính của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp;
- (xvi) Quy trình kiểm tra tài chính đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp trực thuộc cơ quan tài chính đảng của Tỉnh ủy;
- (xvii) Quy trình xem xét, thi hành kỷ luật đảng viên thuộc diện BTV Tỉnh ủy quản lý hoặc cấp ủy viên cấp dưới trực thuộc Tỉnh ủy theo kết luận kiểm tra;
- (xviii) Quy trình kiểm tra, đề nghị thi hành kỷ luật đảng viên thuộc thẩm quyền của BTV Tỉnh ủy do cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy đề nghị;
- (xix) Quy trình xem xét, thi hành kỷ luật đảng viên thuộc diện BTV Tỉnh ủy quản lý và cấp ủy viên cấp dưới trực thuộc Tỉnh ủy theo đề nghị thi hành

kỷ luật;

Đối với cấp ủy huyện, trên cơ sở triển khai thực hiện các quy trình của UBKTTU và các hướng dẫn nghiệp vụ liên quan trên lĩnh vực kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến đảng viên và tổ chức đảng, UBKT các huyện ủy, thành ủy đã xây dựng và tham mưu BTVHU chỉ đạo tổ chức thực hiện 13 quy trình.

3.4 Kết quả thực hiện các mục tiêu của đề tài

3.4.1 Kết quả thí điểm thực hiện Bộ TTHC trong các cơ quan đảng tại tỉnh Bến Tre



Hình 21: Nội dung chính văn bản chỉ đạo triển khai thí điểm Bộ TTHC trong các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre

3.4.1.1 Đối với việc lãnh đạo tổ chức thực hiện:

Bảng 3: Tổng hợp hình thức chỉ đạo thực hiện Bộ TTHC trong Đảng

STT	Đơn vị	Cách thức triển khai
1	Thành phố Bến Tre	Công văn chỉ đạo số 54-CV/ThU ngày 10/9/2020
2	Huyện Ba Tri	Thường trực Huyện ủy chủ trì họp chỉ đạo thực hiện
3	Huyện Bình Đại	Công văn chỉ đạo số 131-CV/HU
4	Huyện Châu Thành	Công văn chỉ đạo số 96-CV/HU
5	Huyện Giồng Trôm	Công văn chỉ đạo số 237-CV/HU
6	Huyện Mỏ Cày Nam	Công văn chỉ đạo số 79-CV/HU
7	Huyện Mỏ Cày Bắc	Công văn chỉ đạo số 156-CV/HU
8	Huyện Chợ Lách	Công văn chỉ đạo số 20-CV/HU
9	Huyện Thạnh Phú	Chuyển tiếp để tổ chức thực hiện

3.4.1.2 Đối với việc niêm yết công khai và tổ chức thực hiện:

theo từng lĩnh vực và nội dung hướng dẫn.



Hình 22: Kiểm tra kết quả niêm yết công khai Bộ TTHC

trong các cơ quan đảng tại Huyện ủy Ba Tri

3.4.1.3 Đối với việc triển khai thực hiện và cập nhật hoàn thiện Bộ TTHC

Một số quy trình, qua triển khai thực tế và tiếp thu góp ý của các đơn vị

địa phương, Ban Chủ nhiệm Đề tài cập nhật, điều chỉnh như sau:

- ***Bộ thủ tục hành chính về lĩnh vực văn phòng cấp ủy***: đã cập nhật, bổ sung luận cứ 4 quy trình: Quy trình soạn thảo, ban hành và tiếp nhận văn bản mật; Quy trình phối hợp chuẩn bị lịch công tác và nội dung các cuộc họp, hội nghị, làm việc của Thường trực, Ban Thường vụ, Tỉnh ủy; Quy trình tổ chức các chuyến đi công tác cơ sở, dự các cuộc mit-ting, lễ kỷ niệm, đại hội, hội nghị của Thường trực Tỉnh ủy; Quy trình tổ chức họp giao ban giữa văn phòng Tỉnh ủy và các văn phòng, ban đảng, đoàn thể. Ngoài ra, Văn phòng Tỉnh ủy đã nghiên cứu, đề xuất ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy trình chuẩn bị và tổ chức Phòng họp không giấy để triển khai thực hiện.

- ***Bộ TTHC về công tác cán bộ***:

+ Quy trình 7: *Tiếp nhận đặc biệt trong tuyển dụng công chức*; Quy trình 8: *Thủ tục thi tuyển công chức*; Quy trình 9: *Thủ tục thi nâng ngạch công chức từ chuyên viên lên chuyên viên chính hoặc từ cán sự lên chuyên viên*; Quy trình 10: *Thủ tục xét chuyển cán bộ, công chức xã thành công chức huyện trở lên* cập nhật và thay đổi các văn bản của Trung ương phần căn cứ pháp lý, cụ thể: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, có hiệu lực ngày 01/12/2020; đồng thời bãi bỏ các Nghị định: Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 31/8/2010 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức. Vì vậy, phần căn cứ pháp lý áp dụng Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 31/8/2010 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức là không phù hợp, nên thay thế bằng Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020

của Chính phủ *quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.*

+ Quy trình 17: *Thủ tục nghỉ hưu đúng tuổi và thôi việc* bổ sung thêm Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ *quy định về tuổi nghỉ hưu* ở phần căn cứ pháp lý.

- **Bộ TTHC về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng**, trong quá trình nghiên cứu thực hiện, một số cập nhật, điều chỉnh như sau: Theo khoản 1.2, Điều 38, Quy định số 30-QĐ/TW ngày 26 tháng 7 năm 2016 của Ban Chấp hành Trung ương thi hành Chương VII, Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng có nêu: “*Trường hợp kết quả biểu quyết quyết định các hình thức kỷ luật cụ thể mà không có hình thức kỷ luật nào đủ đa số phiếu theo quy định, thì cộng dồn số phiếu từ hình thức kỷ luật cao nhất xuống đến hình thức kỷ luật liền kề thấp hơn đến hình thức kỷ luật nào mà kết quả có đủ đa số phiếu theo quy định thì lấy hình thức kỷ luật đó để quyết định*”. Đối chiếu với Quy trình 1 trong Bộ TTHC: Quy trình Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh xem xét, thi hành kỷ luật đối với đảng viên là Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh nêu: “*Trường hợp Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh biểu quyết thi hành kỷ luật có quá nửa số phiếu biểu quyết có kỷ luật, nhưng không có hình thức nào quá bán thì BTV Tỉnh ủy báo cáo đầy đủ bằng văn bản kết quả biểu quyết đề tổ chức đảng cấp trên (Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đảng) có thẩm quyền xem xét, quyết định*” thì không tiến hành cộng dồn phiếu như Quy định 30- QĐ/TW đã nêu. Do đó, đã điều chỉnh cho phù hợp.

Tại Quy trình 2 trong Bộ TTHC: *Quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh*, có nêu tại Bước 1- Bước chuẩn bị “*UBKTTU phối hợp với VPTU, các ban đảng có liên quan tham mưu, giúp BTV Tỉnh ủy hoặc Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành quyết định quyết định, kế hoạch giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng (gọi là đoàn kiểm tra). Trưởng đoàn kiểm tra là đồng chí UVBTV Tỉnh ủy, thành viên UBKTTU hoặc lãnh đạo VPTU, lãnh đạo các ban đảng của Tỉnh ủy. Quy trình 3 và quy*

trình 4 cũng nêu: “*BTV Tỉnh ủy quyết định kế hoạch kiểm tra, thành lập đoàn kiểm tra, phân công đồng chí trong Thường trực Tỉnh ủy, UVBTV Tỉnh ủy làm Trưởng đoàn kiểm tra, giám sát*”. Đối chiếu với Công văn số 2567-CV/UBKTTU ngày 21/3/2019 của UBKTTU, trong đó có nêu đề nghị thường trực Huyện ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (*nhất là đồng chí Bí thư*) tham gia làm trưởng đoàn kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp mình từ năm 2019 và những năm tiếp sau nhưng chưa có sự thống nhất trong phân công đồng chí làm trưởng đoàn kiểm tra, giám sát của cấp ủy. Do đó, điều chỉnh đề đồng bộ, thống nhất.

Theo Quy định số 66-QĐ/TW quy định, thẩm quyền ban hành văn bản của Chi bộ cơ sở và chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, Đảng ủy bộ phận không có “*Thông báo*”, tuy nhiên theo quy trình công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng do Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành thì sau mỗi cuộc kiểm tra, giám sát đều có thông báo kết luận kiểm tra hoặc thông báo kết quả giám sát. Do đó, đối chiếu với Quy định 66-QĐ/TW thì quy trình của Ngành Kiểm tra chưa thống nhất. Mặc khác, Ủy ban Kiểm tra Trung ương cũng chưa có hướng dẫn cụ thể cho việc thay đổi văn bản này cho phù hợp. Do đó, đề xuất sử dụng thể thức Công văn để “*Thông báo*” nội dung kiểm tra, giám sát. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy cơ sở được thành lập và thực hiện các nhiệm vụ như Ủy ban Kiểm tra các cấp, được quy định trong Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Tuy nhiên, khi thực hiện các cuộc kiểm tra, giám sát, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy không có con dấu riêng để đóng dấu các văn bản của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, lại không được dùng con dấu của Đảng ủy, như vậy tính pháp lý các văn bản của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy ban hành ít nhiều cũng bị ảnh hưởng.

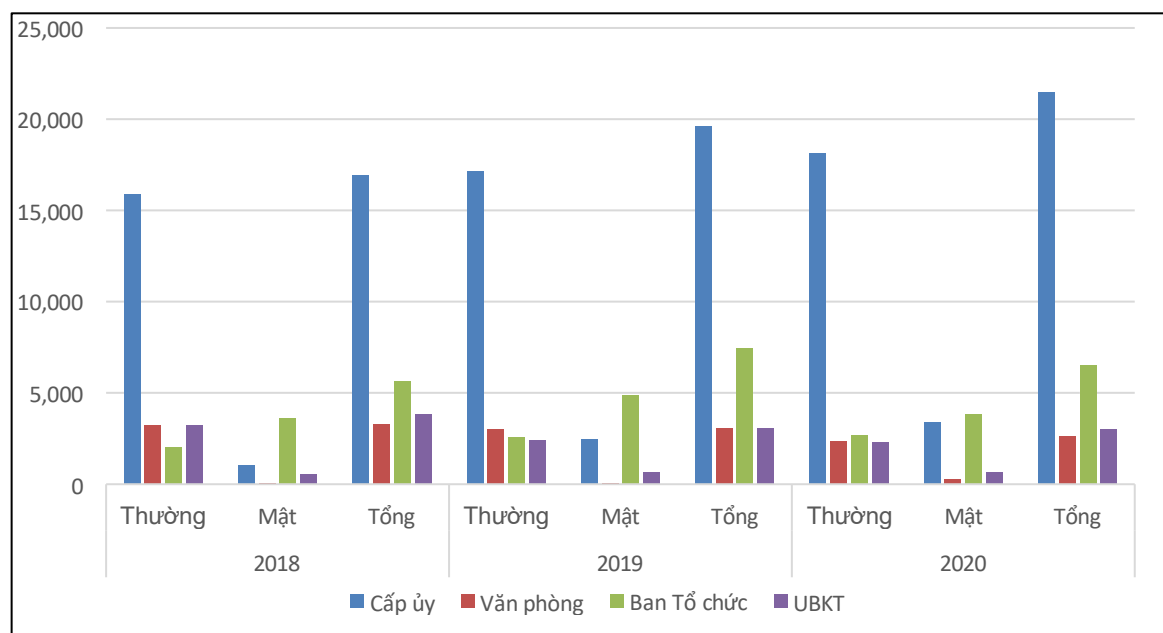
Nhìn chung, qua triển khai thực hiện Bộ TTHC cho thấy, Thường trực cấp ủy rất quan tâm chỉ đạo thực hiện các giải pháp CCTTHC trong các cơ quan đảng; các cơ quan, đơn vị khối đảng từng bước nghiên cứu, cập nhật luận cứ của cấp ủy trực tiếp để triển khai; hầu hết cán bộ, công chức, người

lao động có liên quan đều áp dụng thực hiện các quy trình. Kết quả bước đầu đạt được: rút ngắn thời gian rà soát các quy trình và các văn bản làm căn cứ thực hiện các quy trình; trình tự các bước trong từng quy trình được đảm bảo thực hiện chặt chẽ, đầy đủ đáp ứng nề nếp, tiêu chuẩn chung; hiệu quả, chất lượng công tác tham mưu nâng lên. **Tuy nhiên**, ở một số đơn vị công tác nghiêm yết, công khai Bộ TTHC còn hạn chế; việc thực hiện một số quy trình, TTHC chưa đầy đủ các bước thực hiện trong quy trình, như: quy trình soạn thảo văn bản; ký số văn bản cá nhân vào văn bản điện tử, nguyên nhân chủ yếu do các đồng chí lãnh đạo công việc nhiều.

3.4.2 Kết quả công tác ban hành các văn bản hành chính

Bảng 4: Thống kê số lượng văn bản phát hành của các nhóm đơn vị

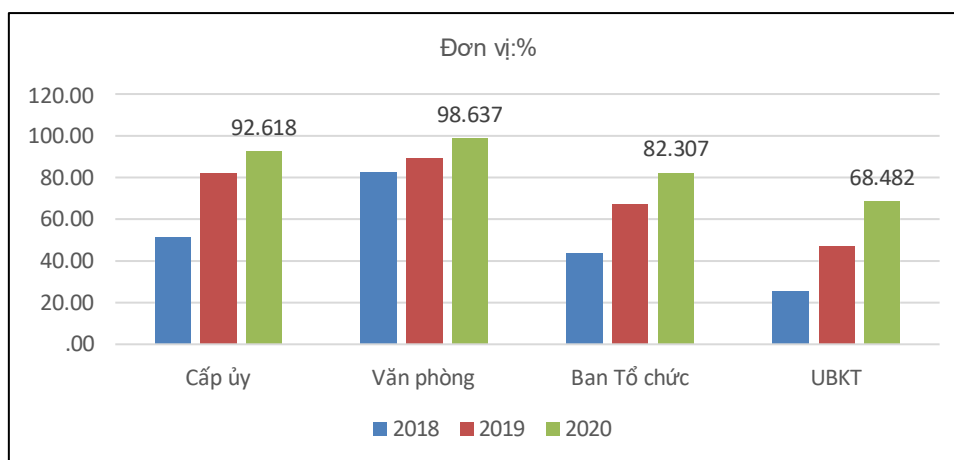
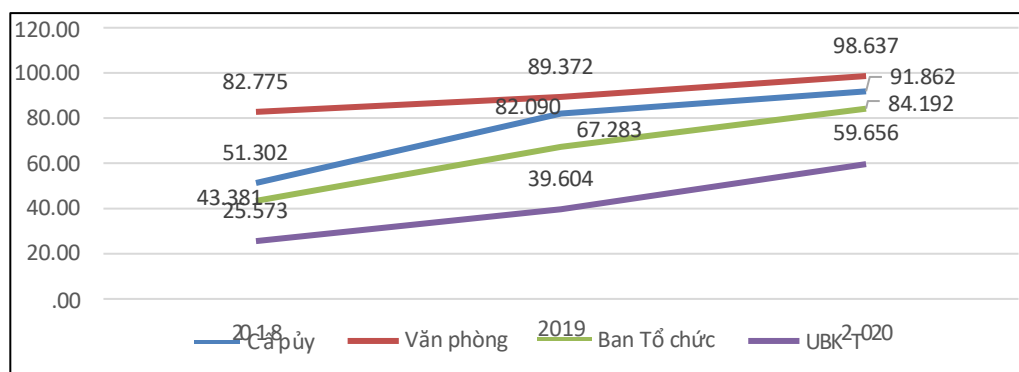
Năm	Loại VB	Cấp ủy	Văn phòng	Ban Tổ chức	UBKT
2018	Thường	15.857	3.247	2.046	3.252
	Mật	1.053	64	3.606	559
	Tổng	16.914	3.311	5.652	3.811
2019	Thường	17.169	3.011	2.595	2.430
	Mật	2.465	61	4.841	666
	Tổng	19.634	3.072	7.436	3.038
2020	Thường	18.111	2.348	2.679	2.332
	Mật	3.375	286	3.831	666
	Tổng	21.486	2.634	6.510	2.998



Hình 23: Biểu đồ tỷ lệ loại văn bản được các nhóm đơn vị phát hành

Bảng 5: Tỷ lệ phát hành văn bản điện tử của các nhóm đơn vị

Năm	Loại văn bản	Cấp ủy		Văn phòng		Ban Tổ chức		UBKT	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
2018	VB giấy	7.722		320		911		2.535	
	VB điện tử	8.135	51,3%	2.691	82,8%	698	43,4%	871	25,6%
	Tổng	15.857		3.251		1.609		3.406	
2019	VB giấy	3.104		320		849		1.740	
	VB điện tử	14.094	82,1%	2.691	89,4%	1.746	67,3%	1.141	47,0%
	Tổng	17.169		3.011		2.595		2.340	
2020	VB giấy	1.337		32		414		735	
	VB điện tử	16.774	92,6%	2.316	98,6%	2.205	82,3%	1.597	68,5%
	Tổng	18.111		2.348		2.679		2.332	

**Hình 24: Tỷ lệ phát hành văn bản điện tử của các đơn vị qua từng năm****Hình 25: Mức độ phát hành văn bản số của các nhóm đơn vị****Bảng 6: Thống kê tỷ lệ phát hành văn bản điện tử
(ĐVT: %)**

	Tỉnh ủy		Ba Tri		Bến Tre	
	Tỉnh ủy	Văn phòng	Huyện ủy	Văn phòng	Thành ủy	Văn phòng

2018	91,1	98,6	70,0	50,0	20,0	7,9
2019	96,2	99,4	97,0	97,6	97,0	98,2
2020	99,6	99,5	98,5	97,6	99,3	99,4

Bảng 7: Tỷ lệ phát hành văn bản điện tử phân theo nhóm Ban Tổ chức và UBKT (ĐVT: %)

Năm	Tỉnh ủy		Thành ủy		Ba Tri	
	Ban Tổ chức	UBKT	Ban Tổ chức	UBKT	Ban Tổ chức	UBKT
2018	43,4	30,9	100,0	80,0	4,0	0,0
2019	67,3	33,1	100,0	85,3	22,7	35,3
2020	84,2	40,9	100,0	86,0	47,4	64,3

3.4.3 Kết quả giảm số lần tổ chức hội nghị, họp, làm việc

3.4.3.1 Đối với cấp ủy tỉnh

Bảng 8: Thống kê số lần họp của Tỉnh ủy

Cuộc họp Năm	Thường trực		Ban Thường vụ		Tỉnh ủy	
	Lệ kỳ	Đột xuất	Lệ kỳ	Đột xuất	Lệ kỳ	Đột xuất
2018	38	0	12	12	4	10
2019	37	0	12	9 (ĐH:14)	4	14 (ĐH:8)
2020	34	0	12	23 (ĐH:18)	4	17 (ĐH:13)
2021	12	0	4	2	1	1

Bảng 9: Số lượng, thành phần đại biểu dự hội nghị truyền hình trực tuyến

	2018	2019	2020	T4/2021	Tổng
Số cuộc họp, hội nghị	2	8	12	5	27
Đại biểu cấp huyện	1.125	1.490	441	1.565	4.621
Đại biểu cấp xã	540	1.694	2.856	1.980	7.070

Bảng 10: Các cuộc họp giao ban, Đảng ủy, Công đoàn VPTU

Cuộc họp Năm	Họp giao ban với các cơ quan, ĐU trực thuộc Tỉnh ủy		Họp giao ban		Họp Đảng ủy		Họp BCH Công đoàn	
	Lệ kỳ	Đợt xuất	Lệ kỳ	Đợt xuất	Lệ kỳ	Đợt xuất	Lệ kỳ	Đợt xuất
2018	38	0	12	0	12	5	4	2
2019	37	0	12	0	12	3	4	1
2020	34	0	12	0	12	1	4	0
2021	12	0	4	0	4	0	1	0

3.4.3.2 Huyện ủy Ba Tri**Bảng 11: Số lượng các cuộc họp của Huyện ủy Ba Tri**

	Huyện ủy		Ban Thường vụ		Thường trực		Văn phòng		Ban Tổ chức		UBKT	
	Lệ kỳ	Đợt xuất	Lệ kỳ	Đợt xuất	Lệ kỳ	Đợt xuất	Lệ kỳ	Đợt xuất	Lệ kỳ	Đợt xuất	Lệ kỳ	Đợt xuất
2018	4	0	12	0	12	0	45	0	12	3	14	0
2019	4	2	12	3	24	0	46	0	12	2	14	0
2020	4	6	12	8	12	0	0	0	12	2	14	0
4T/2021	1	0	4	2	4	0	2	0	4	1	4	0

3.4.3.3 Thành ủy thành phố Bến Tre**Bảng 12: Số lần các cuộc họp của Thành ủy thành phố Bến Tre**

	Huyện ủy		Ban Thường vụ		Thường trực		Văn phòng		Ban Tổ chức		UBKT	
	Lệ kỳ	Đợt xuất	Lệ kỳ	Đợt xuất	Lệ kỳ	Đợt xuất	Lệ kỳ	Đợt xuất	Lệ kỳ	Đợt xuất	Lệ kỳ	Đợt xuất
2018	4	0	12	6	48	0	24	0	12	4	12	10
2019	4	0	12	2	48	0	24	0	12	3	12	9
2020	4	3	12	4	40	5	20	0	12	3	12	7
4T/2021	0	0	1	0	8	0	4	0	4	0	1	3

Đối với Ban Tổ chức Thành ủy: Nhờ ứng dụng hệ thống phần mềm

iOffice và group Zalo mà tần suất hội nghị, giao ban cơ quan được rút ngắn và giảm bớt, hiện nay cơ quan duy trì họp giao ban 01 lần/tháng (so với trước đây là 02 lần/tháng). Việc chỉ đạo, điều hành, trao đổi công việc được duy trì qua mạng iOffice, góp phần nâng cao chất lượng công việc, kịp thời, nhanh chóng, hiệu quả hơn, đảm bảo thời gian yêu cầu.

Đối với Ủy ban Kiểm tra Thành ủy: duy trì họp mỗi tháng 01 lần, các vụ việc đột xuất cần xin ý kiến tập thể Ủy ban Kiểm tra nếu không rơi vào các kỳ họp sẽ tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản, hạn chế tổ chức các cuộc họp đột xuất khi không thật sự cần thiết. Hợp báo Ủy ban Kiểm tra cơ sở từ tháng chuyển sang quý, cụ thể mỗi quý họp 01 lần, gắn với sơ, tổng kết quý, 6 tháng, 9 tháng và năm về kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng để giám chế độ hội họp cho Ủy ban Kiểm tra cơ sở.

3.4.4 Mức độ ứng dụng CNTT

Bảng 13: Thống kê số lượng người dùng VNPT-iOffice

	2018	2019	2020
<i>Cơ quan đảng</i>	1.118	1.759	1.761
<i>MTTQ và đoàn thể</i>	144	433	436
<i>Tổng</i>	1.262	2192	2192

Bảng 14: Thống kê tài liệu Phòng họp không giấy

	Số văn bản	Số trang	Số người dự
Họp Thường trực Tỉnh ủy	42	271	22
Hội nghị BTV Tỉnh ủy	58	924	27
Hội nghị Tỉnh ủy	16	211	130
TỔNG	116	1.406	170

3.4.5 Điều chỉnh, bổ sung, ban hành các quy định, quy chế về việc tổ chức hội nghị, đi công tác cơ sở

Để thống nhất hoạt động điều hành, lãnh đạo của cấp ủy sau đại hội, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và huyện đều ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, BTV và Thường trực. Nhìn chung từ cấp ủy tỉnh đến huyện đều có

ban hành Quy chế mới để đáp ứng yêu cầu lãnh chỉ đạo, điều hành hoạt động của cấp ủy hiệu quả.

3.4.6 Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu Đề tài

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ					
Kết quả thực hiện các giải pháp Cải cách thủ tục hành chính trong Đảng					
Đơn vị:					
.....					
Người được phân công đánh giá:					

Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá				Kết luận
		Tốt	Khá	TB	Yếu	
1.	100% văn bản được ban hành thực hiện theo Quy định 66-QĐ/TW, Hướng dẫn 36-HD/VPTW.					
1.1	- Đúng cơ sở pháp lý (Luật, pháp lệnh...)					
1.2	- Đúng quy định của Đảng (Điều lệ, Nghị quyết, Chương trình...)					
1.3	- Đúng thẩm quyền ban hành					
1.4	- Nội dung (chặt chẽ, ngắn gọn, dễ hiểu)					
1.5	- Đúng trình tự, thủ tục, thể thức					
1.6	- Kỹ thuật trình bày đúng quy định.					
2.	Giảm tỷ lệ phát hành văn bản giấy.					
3.	Giảm tỷ lệ hội họp so với năm 2018.					
4.	Ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, sâu rộng, an toàn, bảo mật trong:					
4.1	- Cơ quan Đảng;					
4.2	- Mật trận Tổ quốc;					
4.3	- Các đoàn thể;					
4.4	- Liên thông với cơ quan nhà nước;					
5.	Kết quả thực hiện các quy định, quy trình thủ tục hành chính và việc tổ chức hội nghị, đi công tác cơ sở.					
Đánh giá chung						

Hình 26: Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện các giải pháp CCTTHC của từng đơn vị

3.5 Đề xuất các giải pháp CCTTHC trong các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre trong thời gian tới

Trên cơ sở lý luận (trình bày tại Chương I) và kết quả thực hiện các nhiệm vụ của đề tài (trình bày tại Chương III), chương này sẽ trình bày các giải pháp cần thiết, hiệu quả để tiến hành CCTTHC trong hoạt động của các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh Bến Tre hiện nay theo hướng nâng cao hiệu quả, hiệu lực lãnh chỉ đạo của cấp ủy trên các mặt: xây dựng và ban hành văn kiện của cấp ủy các cấp; công tác cán bộ và quản lý đảng viên; công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin góp phần cải cách các thủ tục hành chính trong Đảng. Ngoài ra, việc đẩy mạnh cải cách hành chính trong hệ thống các cơ quan Đảng của tỉnh Bến Tre thực hiện theo chủ trương là “... cải cách hành chính một cách đồng bộ ở

các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể các cấp...” với những yêu cầu chung:

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng và ban hành văn kiện của các cấp ủy, góp phần điều chỉnh cách thức lãnh đạo, điều hành của cấp ủy đối với hệ thống chính trị.

- Đảm bảo tính thống nhất, chính xác trong từng TTHC và trong Bộ TTHC;

- Đảm bảo tính chặt chẽ, hợp lý, khoa học của TTHC để TTHC được tuân thủ, thực thi đúng pháp luật và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, môi trường, điều kiện cụ thể.

- Đảm bảo tính công khai, minh bạch, rõ ràng và đơn giản, dễ hiểu, dễ tiếp cận của TTHC để cán bộ, đảng viên và người dân biết, rõ ràng, dễ thực hiện.

- Bảo đảm tính ổn định của TTHC lâu dài, tránh việc thay đổi nhiều, gây sự bất ổn nhất định trong đời sống xã hội).

Thủ tục hành chính và thực hiện TTHC trong các cơ quan Đảng tại tỉnh Bến Tre liên quan đến hàng ngàn cán bộ, đảng viên trên địa bàn toàn tỉnh. Nội dung này có liên quan trực tiếp đến việc triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án số 01-ĐA/TU ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Tỉnh ủy về *Cải cách hành chính giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030*.

3.5.1 Về công tác lãnh, chỉ đạo thực hiện CCTTHC trong Đảng

Từ kết quả nghiên cứu, vấn đề đặt ra đối với cấp ủy trong công tác lãnh chỉ đạo thực hiện CCTTHC là sự quyết liệt, triệt để và đồng bộ. Trên cơ sở kết quả khảo sát hiện trạng cho thấy công tác lãnh, chỉ đạo thực hiện CCTTHC trong Đảng tại tỉnh Bến Tre vẫn còn hạn chế, còn 10,6% các đồng chí là UVBTV cho rằng công tác này chưa thật sự tốt, đặc biệt là ở cấp ủy huyện và tương đương (có đến 14,9% cán bộ tham mưu cho rằng việc lãnh, chỉ đạo CCTTHC ở cấp huyện là chưa tốt, thiếu thường xuyên). Trong đợt khảo sát lần 2, còn đến 10,6% các đồng chí UVBTV cho rằng việc triển khai

thực hiện Bộ TTHC ở các cơ quan, đơn vị chỉ đạt mức trung bình; kết quả này tương đối phù hợp với kết quả kiểm tra các huyện ủy, thành ủy về việc triển khai thực hiện các mục tiêu của Đề tài. Bên cạnh đó, việc thực hiện các giải pháp CCTTHC trong các cơ quan đảng cũng không đồng đều, bởi vì theo đánh giá, còn đến 31,7% nhận xét là chỉ thỉnh thoảng nên cải cách hành chính thuộc lĩnh vực của Ban Tổ chức và Ủy ban kiểm tra cấp ủy do đặt thù về tính chất mật trong nghiệp vụ của các đơn vị này.

Bên cạnh đó, công tác xây dựng và ban hành văn bản của các cấp ủy có hiện tượng “lạm phát văn bản”; rất nhiều văn bản, từ nghị quyết đến chương trình, kế hoạch bao trùm trên tất cả các lĩnh vực nhưng nguồn lực thực hiện không có, nội dung trùng lặp, giải pháp, biện pháp để thực hiện được các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra không rõ ràng, cụ thể. Chất lượng tham mưu, dự thảo văn bản của một số đơn vị chưa cao. Một số đồng chí là chủ thể được lấy ý kiến đóng góp thường phản hồi là thống nhất, không có góp ý kiến nên chưa phát huy tối đa trí tuệ tập thể. Hoạt động hành chính tại các Văn phòng cấp ủy đang được thực hiện trên cơ sở các quy định, quy chế theo một quy trình chưa hoàn thiện, còn phụ thuộc vào nhận thức và phương pháp quản trị công việc của cá nhân, tổ chức nên đôi lúc còn sai sót, công tác phối hợp có khi chưa chặt chẽ, công tác tham mưu từng vụ việc có kết quả và chất lượng khác nhau.

Ngoài ra, việc ban hành bổ sung một số văn bản để cụ thể hóa công tác điều hành lãnh đạo của cấp ủy và quan hệ phối hợp giữa các đảng ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn là cần thiết. Đối với Văn phòng tỉnh ủy đã cụ thể hóa thực hiện Quy định về công tác văn thư ở VPTU theo Quy định của Văn phòng Trung ương; Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tại Văn phòng tỉnh ủy đã được nghiên cứu và phát hành ngày 04/12/2020. Riêng Quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ mạng kết nối Internet đang được nghiên cứu thực hiện.

Từ thực trạng cho thấy vẫn còn một số cấp ủy, bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa

nhận thức đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng, nội dung, công việc cụ thể thực hiện CCTTHC; còn trường hợp ngán ngại cải cách, làm việc theo lối mòn, tác phong, phương pháp cũ; chưa sẵn sàng ứng dụng CNTT vào thực thi công vụ; các quy định, quy chế về hoạt động và công tác phối hợp giữa các ban đảng và các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chưa hoàn thiện.

Đề xuất: Tiếp tục tăng cường công tác lãnh chỉ đạo thực hiện CCTTHC toàn diện trong các cơ quan đảng; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của CB, ĐV trong việc thực hiện các giải pháp CCTTHC trong Đảng. Trong đó,

Chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương của tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ trong hệ thống chính trị về thực hiện CCTTHC trong Đảng, đặc biệt là nâng cao trách nhiệm công vụ và CCTTHC trong công tác Đảng. Tăng cường trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và nêu gương thực hiện công tác CCTTHC trong hoạt động các cơ quan Đảng.

Các cấp ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy xây dựng chương trình thiết thực, cụ thể về CCTTHC trong Đảng; tập trung chỉ đạo thực hiện có trọng tâm, trọng điểm và có sơ kết đánh giá những ưu điểm, chấn chỉnh, khắc phục những mặt hạn chế theo từng thời điểm, bảo đảm cho công tác CCTTHC trong Đảng thật sự là một khâu đột phá trong đổi mới phương thức hoạt động của Đảng.

Rà soát bổ sung, sửa đổi quy chế làm việc của cấp ủy các cấp, các cơ quan giúp việc của Đảng cho phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển; làm rõ trách nhiệm, quyền hạn của tập thể, người đứng đầu cấp ủy; mối quan hệ công tác. Thường xuyên cập nhật và bổ sung Bộ TTHC trong các lĩnh vực của văn phòng cấp ủy; tổ chức, xây dựng đảng, quản lý đảng viên; KT,GS,THKL Đảng; các quy trình thủ tục của công tác tuyên giáo, dân vận và nội chính.

Nâng cao việc kiểm tra, kiểm soát tiến độ hoàn thành công việc của cán bộ, công chức, người lao động thực hiện các bộ thủ tục (đã được xây dựng

mới) thông qua việc đánh giá, kiểm tra chéo giữa các cơ quan, đơn vị, việc đánh giá của cá nhân, tổ chức, công dân đến liên hệ công tác (xử lý đơn thư, khiếu nại tố cáo). Việc kiểm tra, đánh giá chất lượng công tác phải mang tính thường xuyên.

3.5.2 Về chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên và sắp xếp tổ chức

CCTTHC trong Đảng không chỉ đổi mới cách thức làm việc, nâng cao chất lượng nghiệp vụ và kỹ năng của người cán bộ, công chức, viên chức mà còn đòi hỏi khả năng tiếp cận và ứng dụng CNTT, cập nhật thường xuyên kiến thức mới. Do đó, chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức là yếu tố cơ bản, quyết định tới hiệu quả CCTTHC các cơ quan Đảng. Kết quả thực tế cho thấy, cán bộ công chức làm công tác tham mưu tại văn phòng cấp ủy và các ban đảng có trình độ chuyên môn và kỹ năng tốt, tuy nhiên nhận xét này đối với cán bộ, công chức ở các ban đảng thấp hơn so với cán bộ, công chức tại văn phòng cấp ủy. Đặc biệt, lần khảo sát hiện trạng, vẫn còn 8,9% đánh giá năng lực của cán bộ, công chức của các ban đảng ở mức độ trung bình. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hiện nay mặc dù nhìn chung được đánh giá tốt nhưng vẫn còn 17,1% UVTBTV và 6,5% cán bộ tham mưu đánh giá chưa thật sự tốt và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

Nghiên cứu cho thấy, việc tổ chức tập huấn, đào tạo cho đội ngũ cán bộ trong những năm qua tuy có tốt nhưng chưa được thường xuyên, nội dung tập huấn chưa cụ thể, thiết thực, đầy đủ. Vì vậy, có thể thấy việc soạn thảo văn bản, thẩm định, trình ký văn bản, tham mưu nghiệp vụ còn sai sót. Một số cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan đến đảng viên và tổ chức đảng chưa hiểu sâu, nắm chắc, tham mưu đúng, đủ, kịp thời nội dung, quy trình giải quyết, nên hiệu quả giải quyết không cao, kéo dài.

Đề xuất: Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác chuyên môn các cấp đảm bảo đáp ứng yêu cầu, có tinh thần trách nhiệm cao; sắp xếp và tổ chức lại các cơ quan Đảng đồng bộ, thống nhất, tạo sự đồng thuận cao.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn đáp ứng tình hình mới. Chú trọng nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác CCHC. Tăng cường công tác tập huấn nghiệp vụ, chuyên môn liên quan đến kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống, văn hóa ứng xử nơi công sở nhằm nâng cao văn hóa công sở, cải thiện tinh thần thái độ của cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị trong công tác phục vụ Nhân dân.

3.5.3 Về phân cấp, phân quyền quản lý đảng viên và chất lượng quản lý đảng viên

Từ kết quả học tập kinh nghiệm tại Thành ủy TP. Hồ Chí Minh và TP. Cần Thơ cho thấy CCTTHC trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy cần tập trung đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền cho các cấp ủy, tổ chức đảng và các cơ quan tham mưu giúp việc của Tỉnh ủy; xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc chuẩn bị và trình Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy các đề án, nội dung đã được phân công. Trong lần khảo sát thứ nhất, khi được hỏi về việc phân cấp, phân quyền quản lý Đảng viên, có 18% cán bộ được khảo sát cho rằng mức độ phân cấp, phân quyền và chất lượng các quy định về quản lý đảng viên chỉ ở mức độ tạm đáp ứng yêu cầu.

Đề xuất: Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền quản lý đảng viên và nâng cao chất lượng về các quy định quản lý đảng viên; đổi mới phương pháp quản lý, giáo dục đảng viên ở chi bộ. Trong đó,

Tiếp tục quán triệt sâu sắc, nghiêm túc trong các cấp ủy, tổ chức đảng những quy định, hướng dẫn liên quan đến công tác đảng viên. Thực hiện chặt chẽ, đồng bộ các quy định, nhiệm vụ về công tác quản lý đảng viên, nâng cao chất lượng đảng viên; tăng cường mối quan hệ giữa cấp ủy đảng nơi công tác và nơi cư trú chặt chẽ, thường xuyên. Thực hiện nghiêm Quy chế đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy với nhân dân để giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh ở cơ sở.

Cải tiến phong cách, lề lối làm việc của thủ trưởng, người đứng đầu cấp ủy và các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành các cấp theo hướng khoa học, sâu sát cơ sở, gần gũi nhân dân; phân công từng thành viên trong Ban Chấp hành, BTV phụ trách cơ sở, phụ trách ngành, đơn vị; tiếp tục thực hiện chủ trương “*tỉnh nắm đến xã; huyện nắm đến ấp, khu phố; xã nắm đến hộ gia đình*”; chỉ đạo cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Mặt trận và các đoàn thể tham gia sinh hoạt với các tổ chức cơ sở.

3.5.4 Hoàn thiện quy trình giải quyết các TTHC; nghiên cứu xây dựng, đề xuất ban hành các quy trình, quy định về CCTTHC trên tất cả các lĩnh vực công tác Đảng

Quy trình giải quyết các thủ tục hành chính là những quy định, hướng dẫn về mặt thủ tục có liên quan nhằm giải quyết công việc theo một trình tự nhất định, đúng thời hạn, đúng thẩm quyền; đồng thời, phải bảo đảm tính rõ ràng, công khai, minh bạch

Việc xây dựng quy trình chung thống nhất giải quyết các thủ tục hành chính có ý nghĩa thiết thực, giúp cán bộ chuyên trách cũng như cá nhân, tổ chức giải quyết công việc thuận lợi, đạt kết quả mong muốn, tiết kiệm thời gian.

Cải tiến quy trình công tác theo hướng phải khoa học hóa các mặt công tác đảng, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng, giảm thời gian chờ đợi, xử lý công văn đi, đến, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và trả lời chất vấn trong Đảng, hoàn thiện quy trình, thủ tục trên từng lĩnh vực, hoàn chỉnh hệ thống hồ sơ, văn bản, biểu mẫu công tác đảng, xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp, văn hoá ứng xử của cán bộ, đảng viên.

Ban hành bộ thủ tục hành chính đã xây dựng; tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, đề xuất ban hành những quy trình CCTTHC mới và triển khai thực hiện trên tất cả các lĩnh vực công tác đảng của Đảng bộ tỉnh.

Đề xuất: Giao các cấp ủy, cơ quan, đơn vị thuộc Đảng bộ tỉnh có trách nhiệm tiếp tục nghiên cứu, phát hiện những bước thực hiện quy trình có thể

cải tiến, những biểu mẫu chưa hợp lý, thời gian thực hiện chưa phù hợp (hoặc có thể rút ngắn) để phản ánh, kiến nghị chỉnh sửa, bổ sung kịp thời. Những quy trình này sẽ được cập nhật từng lúc theo chủ trương mới ban hành của Trung ương trong từng thời điểm

3.5.5 Về công tác kiểm tra giám sát và thi hành kỷ luật Đảng

Từ thực tế đánh giá rằng một số cấp ủy cơ sở nhận thức về công tác kiểm tra, giám sát còn hạn chế; quy trình thực hiện các cuộc kiểm tra, giám sát vẫn còn nhiều bước, nhiều loại văn bản, trong khi đó cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát cấp cơ sở còn kiêm nhiệm, trình độ năng lực còn hạn chế nên gặp khó khăn trong việc xây dựng các văn bản phục vụ công tác kiểm tra, giám sát. Từ kết quả khảo sát về mức độ bất hợp lý của quy trình và các biểu mẫu thuộc lĩnh vực kiểm tra, giám sát thì có trên 36% ý kiến cho rằng hệ thống biểu mẫu này có phần hợp lý nhưng cần tiếp tục nghiên cứu và tinh gọn hơn. Cụ thể là việc ban hành từng quy trình riêng lẻ, gây khó khăn cho cán bộ, công chức cơ quan ủy ban kiểm tra trong việc lưu trữ, tra cứu để áp dụng thực hiện, nhất là sau khi có biến động về nhân sự ủy ban kiểm tra sau Đại hội, nhiều trường hợp thất lạc quy trình, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp; quyết định hướng dẫn về quy trình KT,GS,THKL Đảng được ban hành cụ thể đến từng cấp ủy, tổ chức đảng nhưng hồ sơ thủ tục thực hiện kiểm tra, giám sát nhất là đối với chi bộ dưới cơ sở còn nhiều, khó khăn cho các tổ chức đảng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát.

Đề xuất: Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra giám sát và thi hành kỷ luật Đảng; tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung hệ thống và quy trình kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng theo hướng tinh gọn, dễ thực hiện, rút ngắn thời gian, nhất là các biểu mẫu, bộ hồ sơ sự vụ, sự việc. Cụ thể:

Tăng cường sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ của UBKT cấp trên đối với UBKT cấp dưới, nhất là trong các vụ việc nghiêm trọng, phức tạp, lĩnh vực nhạy cảm, quan trọng. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát

với tinh thần quyết tâm, quyết liệt, "chủ động, chiến đấu, giáo dục, hiệu quả"; giám sát "mở rộng", kiểm tra "có trọng tâm, trọng điểm".

Cán bộ kiểm tra phải có phẩm chất đạo đức cách mạng, có bản lĩnh chính trị, tính chiến đấu cao, có kinh nghiệm công tác xây dựng Đảng, kỹ năng nghiệp vụ thuần thực, phương pháp công tác khoa học, dân chủ, thận trọng, chặt chẽ; nắm vững và thực hiện đúng các nguyên tắc, thẩm quyền, quy trình, thủ tục, cơ chế, chính sách, quy định của Đảng và Nhà nước nhằm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; không lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để trục lợi.

3.5.6 Về ứng dụng công nghệ thông tin

Thời gian qua, công tác ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng, chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh được quan tâm, chỉ đạo thường xuyên, từng cơ quan, đơn vị đã tích cực ứng dụng CNTT trong thực thi công vụ. Đến nay, Bến Tre đã đồng bộ hóa việc ứng dụng CNTT trong toàn tỉnh, bao gồm khối Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, góp phần nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành của hệ thống chính trị. Hệ thống hội nghị trực tuyến được đầu tư, liên thông từ Trung ương đến địa phương, phương thức hội nghị trực tuyến kết nối 3 cấp từ trung ương đến huyện được sử dụng và phát huy hiệu quả.

Hệ thống quản lý văn bản điều hành được triển khai đến tất cả các sở, ban, ngành và liên thông từ Trung ương đến cơ sở gắn với việc sử dụng hộp thư công vụ và chữ ký số. Tuy nhiên, qua kết quả khảo sát lần 1, có đến 13,9% người được khảo sát cho biết chỉ sử dụng điện thoại phổ thông. Mặc dù, đến nay tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh và máy tính bảng có tăng lên nhưng vẫn còn đến 7,3% đc UVBTV được khảo sát sử dụng điện thoại di động phổ thông không có chức năng kết nối dữ liệu di động và Internet. Ngoài ra, kết quả khảo sát lần 2 cũng cho thấy có 21,1% người được khảo sát là UVBTV cho biết không truy cập do không biết đến Trang thông tin điện tử Ban Chấp hành tỉnh.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng CNTT để quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên còn chưa đồng bộ, một số cấp ủy thiếu quan tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo cập nhật cơ sở dữ liệu đầy đủ theo quy định, nên gây khó khăn cho việc khai thác dữ liệu đảng viên; lý lịch cán bộ, kê khai tài sản tuy được khai đầy đủ từ đầu và bổ sung hàng năm nhưng không được số hóa để theo dõi, quản lý thuận tiện, phải viết lại từ đầu khi làm hồ sơ quy hoạch cấp ủy nhiệm kỳ mới hoặc khi được bổ nhiệm chức vụ mới... rất mất thời gian. Kỹ năng thao tác trên các ứng dụng công nghệ thông tin có khác nhau phụ thuộc vào độ tuổi và lĩnh vực công tác do đó còn xảy ra sai sót về kỹ thuật trình bày văn bản, việc khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ thông tin chưa đạt hiệu quả cao.

Đề xuất: Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động lãnh đạo, điều hành của cấp ủy; xem việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan đảng là một khâu quan trọng trong tiến trình cải cách hành chính trong Đảng; đẩy mạnh việc xây dựng và sử dụng các phần mềm dùng chung, cơ sở dữ liệu, bảo đảm tính tương thích, đồng bộ và thông suốt để nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cấp ủy.

Thường xuyên cập nhật Hệ thống thông tin điều hành iOffice; tiếp tục cải tiến, nhất là công cụ tìm kiếm (thuật toán), quản lý thông tin, văn bản; đẩy nhanh tiến độ đồng bộ dữ liệu hai hệ thống Lotus Note và VNPT-iOffice. Nâng cao chất lượng và sự đa dạng của Trang Thông tin điện tử Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, diễn đàn nhằm tạo được không gian trao đổi nghiệp vụ, học hỏi kinh nghiệm cho cán bộ, nhân viên làm việc trong các cơ quan Đảng. Khuyến khích cán bộ, công chức tự trang bị thiết bị di động thông minh để hỗ trợ công việc; tăng cường giao tiếp trên không gian mạng.

Cơ quan Ủy ban kiểm tra và Ban Tổ chức cấp ủy cần đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý cán bộ đảng viên, triển khai thực hiện các phần mềm quản lý, cập nhật thường xuyên lý lịch, kê khai tài sản của đảng viên và các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ chính trị nội bộ; hạn chế

thấp nhất các yêu cầu cập nhật lý lịch, kê khai tài sản trước các kỳ quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ,...

Tập trung xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ quản trị, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin đã được đầu tư, đặc biệt là cán bộ quản trị cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, quản trị mạng tại các địa phương. Điều chỉnh cơ chế đầu tư đặc thù cho CNTT, tăng cường xã hội hóa để phát huy hiệu quả hợp tác công – tư trong công tác này. Hằng năm, cân đối thêm nguồn lực cho chương trình phát triển và ứng dụng CNTT để hiện đại hoá công tác hành chính đảng của địa phương; tăng cường mở rộng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp xã.

3.5.7 Về an toàn, bảo mật thông tin trong hoạt động công vụ

Ngày nay, không gian mạng trở thành “không gian chiến lược mới”, việc ứng dụng sâu rộng công nghệ thông tin trong hoạt động điều hành của chính quyền, lãnh đạo của cấp ủy gắn liền với an toàn, an ninh thông tin và đảm bảo sự xuyên suốt, kịp thời của hệ thống chính trị. Việc xây dựng mạng lưới đảm bảo an toàn, an ninh mạng phải được thực hiện trên cơ sở nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ chuyên trách; đảm bảo các yêu cầu về quản lý an ninh mạng, bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu; phòng chống hiệu quả các hoạt động gián điệp, thâm nhập hệ thống quản lý, điều hành chính quyền điện tử.

Đề xuất: Tăng cường bảo mật thông tin trong hoạt động công vụ trên môi trường mạng Internet; triển khai mạnh mẽ việc sử dụng hòm thư công vụ và các ứng dụng OTT (Over-the-Top) để trao đổi thông tin đảm bảo kịp thời, an toàn, hiệu quả.

Quán triệt và chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm túc Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước, Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng, Luật Cơ yếu, Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 16/9/2013 của Ban Bí thư về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm an ninh và an toàn thông tin mạng trong tình hình mới.

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức về công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng; chủ động phòng tránh lộ lọt bí mật nhà nước. Không lưu trữ cơ sở dữ liệu, tài liệu có chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước trên máy tính kết nối mạng Internet, mạng nội bộ; không soạn thảo, in ấn tài liệu mật trên máy tính có kết nối mạng, điện thoại thông minh, máy tính bảng; bố trí máy tính độc lập, không kết nối mạng để soạn thảo, in ấn tài liệu mật.

Tổ chức kiểm tra, rà soát, đánh giá bảo đảm an toàn, an ninh các hệ thống thông tin, máy chủ, máy trạm, thiết bị mạng, phần cứng, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng...; kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố, lỗ hổng về mặt kỹ thuật của hệ thống thông tin, ngăn chặn, bóc gỡ mã độc tấn công vào hệ thống mạng của cơ quan, đơn vị.

3.5.8 Về kiểm tra, đánh giá việc thực hiện CCTTHC

CCTTHC trong hoạt động của các cơ quan Đảng là nội dung quan trọng, là quá trình liên tục, đặt trong tổng thể CCHC của hệ thống chính trị nhằm góp phần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội. CCTTHC tại các cơ quan khối Nhà nước đã được triển khai nhưng trong các cơ quan Đảng còn mới mẻ. Do đó, việc triển khai các giải pháp CCTTHC trong Đảng đòi hỏi liên tục, thường xuyên gắn với kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện.

Đề xuất: Thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện CCHC để kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, yếu kém; khen thưởng, biểu dương những mô hình mới, cách làm sáng tạo, đột phá. Hoàn thiện Bộ tiêu chí đánh giá kết quả CCTTHC. Quy định kết quả thực hiện CCHC là tiêu chí để đánh giá công tác thi đua, khen thưởng và bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá kết quả triển khai các mục tiêu thực hiện CCTTHC trong các cơ quan Đảng, gắn với đánh giá, xếp loại cán bộ, đảng

viên hàng năm; thành lập các Hội đồng sát hạch trong cơ quan Đảng, MTTQ và các đoàn thể để đánh giá các tiêu chí này theo quy chế.

CHƯƠNG 4: KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ

4.1 Kết luận

Đề tài khoa học “Nghiên cứu đề xuất các giải pháp CCTTHC trong các cơ quan Đảng tại tỉnh Bến Tre” đặt ra mục tiêu là nghiên cứu hiện trạng TTHC trong các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre để đề xuất và triển khai ứng dụng một số giải pháp CCTTHC trong các cơ quan Đảng nhằm góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy tỉnh, huyện, thành phố và thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng theo yêu cầu đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Sau quá trình nghiên cứu và triển khai thực hiện, đến nay, các giải pháp CCTTHC trong các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre do đề tài đề xuất bước đầu đạt được những kết quả nhất định, cụ thể:

Công tác lãnh đạo thực hiện cải cách TTHC của các cấp ủy Đảng được tập trung; nhận thức, trách nhiệm của CB, ĐV từng bước nâng lên; tư duy đổi mới, sáng tạo trong thực thi công vụ được khuyến khích. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung các quy định, quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đặc biệt là điều chỉnh Quy định số 821-QĐ/TU ngày 24/5/2019 của Tỉnh ủy về tổ chức các chuyến đi công tác cơ sở, dự các cuộc mít tinh, lễ kỷ niệm, đại hội, hội nghị và tiếp khách trong nước của các đồng chí UVBTV Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

Chất lượng công tác xây dựng và ban hành văn bản của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy; các ban đảng và các huyện ủy, Thành ủy được nâng lên. Hầu hết các văn bản được các đơn vị ban hành đều đảm bảo đúng cơ sở pháp lý, đúng quy định của Đảng, đúng thẩm quyền ban hành, nội dung chặt chẽ, ngắn gọn, dễ hiểu; đúng thể thức và kỹ thuật trình bày theo Quy định số 66-QĐ/TW và Hướng dẫn 36-HD/VPTW. Nội dung văn bản bảo đảm các yêu cầu về chủ trương, đường lối chỉ đạo, phù hợp với tên loại văn

bản, cách thức diễn đạt chính xác, rõ ràng, dễ hiểu. *Tuy nhiên*, còn một số nơi, ở một số văn bản còn lỗi về câu chữ, chính tả không đáng kể.

Bộ TTHC về công tác tiếp nhận, xử lý, tham mưu nội dung, ban hành, lưu trữ văn bản (15 quy trình), quản trị tài chính Đảng (5 quy trình), Cơ yếu-CNTT (8 quy trình), tổ chức, cán bộ (22 quy trình) và kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Đảng (19 quy trình) của tỉnh đã được triển khai thực hiện thí điểm. Qua triển khai thực hiện, các cơ quan, đơn vị khối Đảng từng bước nghiên cứu, cập nhật luận cứ của cấp ủy trực tiếp đề triển khai; hầu hết cán bộ, công chức, người lao động có liên quan đều áp dụng thực hiện các quy trình. Kết quả là rút ngắn thời gian rà soát các quy trình và các văn bản làm căn cứ thực hiện các quy trình; trình tự các bước trong từng quy trình được đảm bảo thực hiện chặt chẽ, đầy đủ đáp ứng nề nếp, tiêu chuẩn chung; hiệu quả, chất lượng công tác tham mưu nâng lên. *Tuy nhiên*, ở một số đơn vị công tác niềm yết, công khai Bộ TTHC còn hạn chế; việc thực hiện một số quy trình, TTHC chưa đầy đủ các bước thực hiện trong quy trình, như: quy trình soạn thảo văn bản; ký số văn bản cá nhân vào văn bản điện tử, nguyên nhân chủ yếu do các đồng chí lãnh đạo công việc nhiều.

Công tác chuyển đổi số trong thực hiện các TTHC ngày càng triệt để; việc triển khai ứng dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành hoạt động trên mạng Internet (iOffice) cho tất cả các cơ quan Đảng và đoàn thể tỉnh để trao đổi văn bản không mật, đã góp phần số hóa công tác văn thư, giảm nhiều văn bản giấy được phát hành. Đến cuối năm 2020, 89,9% văn bản (không mật) của các đơn vị được ban hành dưới dạng văn bản điện tử và được gắn chữ ký số chuyên dùng đảm bảo giá trị pháp lý, 10,1% số văn bản còn lại vừa được phát hành dạng văn bản điện tử và văn bản giấy là các văn bản bắt buộc phải gửi bản giấy theo yêu cầu. Về mặt kinh tế đã tiết kiệm được từ **6.951** triệu đồng chi phí phát hành văn bản giấy, chưa bao gồm chi phí nhân công cho hoạt động văn thư liên quan; ngoài ra, việc chuyển phát văn bản tức thời

vừa đảm bảo về thời gian và hiệu quả lãnh đạo của cấp ủy và chất lượng tham mưu của các cơ quan.

Việc ứng dụng CNTT ngày càng sâu rộng, đáp ứng tốt nhu cầu cung cấp thông tin, phục vụ lãnh, chỉ đạo; hoàn thành đầu tư các hạng mục trang thiết bị, Trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan đảng tỉnh và đưa vào sử dụng, với tổng chi phí đầu tư trong năm 2020 là trên 3.134 triệu đồng. Việc tổ chức hội nghị theo hình thức trực tuyến đã phục vụ hiệu quả công tác điều hành, lãnh đạo trong tình hình mới, dưới tác động của dịch Covid -19; tiết kiệm được thời gian di chuyển của CB, ĐV và báo cáo viên từ cơ sở về tỉnh và từ tỉnh về cơ sở; tiết kiệm được kinh phí tổ chức hội nghị. Thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, chất lượng, hiệu quả học tập chỉ thị, nghị quyết của Đảng từng bước được nâng lên. Số lượng đảng viên tham gia học tập ngày càng cao, tỷ lệ tăng dần qua từng năm. Chương trình Quản lý Cơ sở dữ liệu đảng viên phiên bản 3.0 được triển khai thống nhất tại cấp tỉnh, cấp huyện và các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, CSDL đảng viên được cập nhật thường xuyên; Phần mềm kế toán đảng IMAS và phần mềm Quản lý tài sản được ứng dụng thường xuyên đáp ứng yêu cầu theo dõi, quản lý tài chính, tài sản tại các cơ quan Đảng tỉnh. Phần mềm Tổng hợp ý kiến hội nghị, phần mềm Theo dõi ý kiến chỉ đạo đã giúp cơ quan tham mưu kịp thời cập nhật thông tin, phục vụ công tác điều hành, lãnh đạo của cấp ủy. Công tác triển khai và tổ chức Phòng họp không giấy đã mang lại hiệu quả rõ rệt trong công tác chuẩn bị trước, trong và sau các cuộc họp góp phần đẩy nhanh hiệu quả làm việc, tiết kiệm thời gian, chi phí, giúp lãnh đạo đưa ra quyết định kịp thời, chính xác, nâng cao hiệu lực hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành của cấp ủy, phù hợp với mục tiêu chuyển đổi số của tỉnh.

4.2 Đánh giá chung kết quả thực hiện

4.2.1 Mặt được

- Việc triển khai các giải pháp CCTTHC và thí điểm thực hiện Bộ TTHC trong các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre được các cơ quan, đơn vị quan tâm lãnh,

chỉ đạo thực hiện⁹; hầu hết tại các đơn vị, bộ TTHC được niêm yết công khai; tất cả các đơn vị đều nghiêm túc tổ chức quán triệt, chỉ đạo cán bộ, công chức, người lao động của cơ quan thực hiện, nêu gương trong việc chấp hành, thực hiện nghiêm các quy trình, TTHC tại cơ quan.

- Công tác tham mưu ban hành văn bản được đảm bảo đúng Quy định 66-QĐ/TW của Ban Bí thư và Hướng dẫn số 36-QĐ/VPTW của Văn phòng Trung ương Đảng, hầu hết các văn bản được ban hành đều đảm bảo đúng cơ sở pháp lý, đúng quy định¹⁰; các văn bản giấy phát hành ngày càng giảm, tăng tỷ lệ văn bản phát hành qua mạng; các cuộc họp, hội nghị năm sau có giảm hơn so với năm trước; việc triển khai sử dụng phòng họp không giấy đã góp phần giảm hơn 80% lượng văn bản giấy trong các cuộc họp, hội nghị.

- Việc ứng dụng CNTT ngày càng sâu rộng, đáp ứng tốt nhu cầu cung cấp thông tin, phục vụ lãnh, chỉ đạo kịp thời, mọi lúc mọi nơi¹¹; tăng cường ứng dụng chữ ký số trong phát hành văn bản điện tử, giảm bớt thủ tục, giấy tờ, CCTTHC trong Đảng¹².

- Các cơ quan Đảng, văn phòng cấp ủy luôn quan tâm cập nhật, bổ sung quy chế, quy định đảm bảo yêu cầu thực hiện chức năng nhiệm vụ của đơn vị¹³. VPTU và Văn phòng các huyện ủy, thành ủy kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung các quy định, quy chế làm việc của cấp ủy, thường trực, BTV cấp ủy về tổ chức các chuyến đi công tác cơ sở, dự các cuộc mít tinh, lễ kỷ niệm, đại hội, hội nghị và tiếp khách trong nước¹⁴.

⁹ Công văn số 2594-CV/TU ngày 08/9/2020 đề triển khai thực hiện thí điểm Bộ TTHC trong các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre.

¹⁰ Quy chế số 09-QC/VPTU ngày 02/01/2020 của Văn phòng Tỉnh ủy về công tác văn thư và công tác lưu trữ.

¹¹ Quyết định số 39-QĐ/VPTU ngày 15/12/2020 của VPTU về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm thiết bị công nghệ thông tin để khai thác các tài liệu trên mạng phục vụ các cuộc họp Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy

¹² Kế hoạch số 04-KH/VPTU ngày 04/12/2020 của VPTU về tập huấn công tác văn thư, lưu trữ và ứng dụng công nghệ thông tin.

¹³ Công văn số 2197-CV/TU ngày 17/4/2020 về thực hiện chặt chẽ quy trình thông qua văn bản đăng ký lịch làm việc của Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy.

¹⁴ Quy định số 174-QĐ/TU, ngày 19/5/2021 về tổ chức các chuyến đi công tác cơ sở, dự các cuộc mít-tinh, lễ kỷ niệm, đại hội, hội nghị và tiếp khách trong nước của các đồng chí UVBTV Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

- Nhìn chung việc triển khai các giải pháp CCTTHC được nghiên cứu đề xuất đã mang lại giá trị cụ thể, rõ ràng về kinh tế, chính trị và xã hội góp phần nâng cao hiệu quả điều hành, hiệu lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng; sử dụng tối ưu nguồn tài nguyên, cơ sở vật chất và trình độ, năng lực của cán bộ, đảng viên.

4.2.1 Hạn chế

- Việc điều chỉnh, kiện toàn nhân sự Ban Chủ nhiệm, công tác chuẩn bị Đại hội Đảng bộ các cấp đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của đề tài; việc tổ chức Hội thảo góp ý về các giải pháp CCTTHC trong Đảng không thể thực hiện được do tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp nên phải chuyển sang lấy ý kiến chuyên gia.

- Kết quả triển khai CCTTHC trong Đảng còn khiêm tốn, chưa đồng bộ so với CCTTHC trong khối chính quyền; một số chủ trương, nghị quyết của Đảng ban hành đã lâu, qua nhiều nhiệm kỳ, giá trị thực hiện không còn phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế nhưng chậm được thay thế, cập nhật.

- Chưa có quy trình, thủ tục thống nhất, đồng bộ về tiếp nhận, xử lý văn bản hành văn bản trong toàn hệ thống; việc xử lý văn bản qua mạng chưa thật sự mang lại hiệu quả tương ứng so với mức độ đầu tư trang thiết bị, mới dừng lại ở việc gửi nhận, còn hạn chế trong việc xử lý văn bản trực tiếp trên mạng; việc ban hành các văn bản còn sai sót các lỗi như chính tả, dàn trang, bố cục trình bày; quá trình nhập liệu còn sai sót các trường trong phần mềm quản lý văn bản đi, đến; một số đơn vị còn gửi nhận đồng thời văn bản giấy và văn bản điện tử; cấp ủy Đảng ở cơ sở chưa được trang bị hệ thống máy tính nên việc tiếp cận tài liệu số còn hạn chế.

- Các TTHC trong Đảng chưa được ứng dụng liên thông qua mạng trên toàn hệ thống nhằm giúp các tổ chức, cá nhân có thể dễ dàng tra cứu, thực hiện đảm bảo về mặt thủ tục, thời gian theo quy định đối với những đầu việc mang tính thường xuyên, thường niên. Một số quy trình, TTHC được thực hiện cách nay khá lâu và quá trình chuyển tiếp giữa nhiệm kỳ cũ và nhiệm kỳ mới cần phải cập nhật mới theo các quy định hiện hành.

- Các quy trình về công tác tổ chức xây dựng Đảng, quản lý đảng viên và kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng được thực hiện trên cơ sở các quy trình của Trung ương, nên có một số nội dung chưa phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương, quá trình thực hiện đôi lúc còn máy móc, mang tính rập khuôn nên ảnh hưởng đến tiến độ xử lý công việc.

- Hạ tầng CNTT đầu tư tương đối lớn nhưng việc khai thác, sử dụng chưa thực sự hiệu quả; một số đồng chí lãnh đạo, đứng đầu cơ quan ngại xử lý, giải quyết công việc trên máy tính, chưa thực sự khai thác, ứng dụng tin học một cách hiệu quả trong công việc nhằm thay đổi thói quen xử lý công việc trên giấy. Mô hình “*mạng trong*”, “*mạng ngoài*” làm tăng đầu tư thiết bị cũng như chưa có giải pháp triệt để cho việc sao chép dữ liệu giữa 02 mạng. Giải pháp kết nối hệ thống mạng giữa khối Đảng với khối chính quyền chưa đồng bộ nên chưa phát huy được hiệu quả chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy Đảng đối với khối nhà nước cũng như việc trao đổi thông tin giữa hai khối với nhau.

- Việc tổ chức các cuộc họp, hội nghị, làm việc có giảm nhưng chưa nhiều.

4.2.3 Nguyên nhân

Những hạn chế trong công tác CCTTHC trong Đảng có nhiều nguyên nhân khác nhau cả khách quan và chủ quan, nhưng chủ yếu là do một số nguyên nhân sau đây:

- Kết luận số 82-KL/TW ngày 16/8/2010 của Bộ Chính trị về Cải cách các thủ tục hành chính trong Đảng đã gần 11 năm, Trung ương vẫn chưa có những hướng dẫn cụ thể, chưa ban hành bộ TTHC sử dụng thống nhất trong Đảng nên khó khăn trong việc triển khai. Tỉnh ủy chưa có nghiên cứu tổng thể về CCTTHC trong các cơ quan Đảng thuộc Đảng bộ tỉnh.

- Nhận thức của một số cấp ủy đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc các cấp ủy Đảng, nhất là người đứng đầu về công tác CCTTHC chưa sâu, chưa được quan tâm đúng mức, chưa dành nguồn lực đầu tư thích đáng cho công

tác cải cách hành chính trong Đảng; chưa thấy rõ vai trò, tầm quan trọng của việc ứng dụng và phát triển CNTT, chưa thực sự kiên quyết gắn việc ứng dụng CNTT để đổi mới lề lối làm việc, phương pháp lãnh đạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác; chưa có phương án triển khai hệ thống tác nghiệp điều hành chung cho khối Đảng và khối chính quyền. Việc ứng dụng phòng họp không giấy chưa được triển khai rộng rãi đến cấp ủy xã.

- Trình độ của một số cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, công tác bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật kiến thức chuyên môn về CCTTHC trong các cơ quan Đảng ít được tổ chức; nguồn lực đầu tư cho cải cách hành chính trong Đảng chưa được quan tâm nhiều.

- Sự phối hợp giữa các cơ quan tham mưu, giúp việc, giữa cấp ủy các cấp, giữa các phòng, ban trong nội bộ các cơ quan Đảng trong việc giải quyết các TTHC chưa đồng bộ, chưa được chặt chẽ, tính phối hợp chưa cao.

4.3. Kiến nghị

4.3.1 Đối với Trung ương:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức đánh giá tổng kết việc thực hiện Kết luận số 82-KL/TW và sớm ban hành Bộ TTHC trong Đảng thống nhất thực hiện trong toàn quốc.

- Ban Tổ chức Trung ương sớm hướng dẫn thực hiện Quy định số 105-QĐ/TW ngày 19/12/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, trong đó hướng dẫn thực hiện quy trình 5 bước: (1) đối với cấp ủy xã, phường, thị trấn do ở cấp xã công tác cán bộ là của cấp ủy chứ không là của BTV (vì BTV cấp xã chỉ có 3 hoặc 5 người) thì không quyết định được mà phải do tập thể Đảng ủy quyết định như vậy thì bước 1, 2, 3, 5 trùng nhau về thành phần giới thiệu và biểu quyết; (2) đối với các cơ quan, đơn vị không có cấp ủy chỉ có bí thư và phó bí thư, trùng với ban lãnh đạo (do bí thư là thủ trưởng cơ quan) thì chỉ cần 3 bước là phù hợp để tránh hình thức.

- Ủy ban kiểm tra Trung ương sớm sửa chữa để triển khai thực hiện phần

mềm thông kê công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng; thống nhất cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Bến Tre vận dụng ban hành các quy trình công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương.

4.3.2 Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

- Ban hành quy chế cung cấp thông tin phục vụ cấp ủy nhằm cung cấp thông tin nhanh, linh hoạt, chính xác, kịp thời đáp ứng sự lãnh đạo của cấp ủy và quy chế phòng họp không giấy nhằm ứng dụng công nghệ thông tin để giảm giấy tờ, tài liệu, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc; phát huy cơ sở vật chất; tăng cường phối hợp trong công tác tham mưu chuẩn bị các cuộc họp, hội nghị của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền quản lý đảng viên và nâng cao chất lượng về các quy định quản lý đảng viên; đổi mới phương pháp quản lý, giáo dục đảng viên ở chi bộ.

- Chỉ đạo việc đồng bộ hóa Lotus Note 8.5 và iOffice; tiếp tục nâng cấp chất lượng Hệ thống iOffice (*tiện ích tìm kiếm, điều hành công việc...*) có giải pháp liên thông các hệ thống quản lý điều hành số đối với các đồng chí giữ nhiều chức vụ để thuận tiện hơn trong việc chuyển và xử lý văn bản; xây dựng ứng dụng (App) để giúp người dùng dễ sử dụng; cấp kinh phí trang bị máy tính bảng cho cán bộ, công chức các cơ quan Đảng để thực hiện chuyển đổi số; phân bổ nguồn vốn đầu tư hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp xã.

- Ban hành Kế hoạch thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong Đảng bộ tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025; đồng thời, xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá kết quả triển khai các mục tiêu thực hiện CCTTHC trong các cơ quan Đảng, gắn với đánh giá, xếp loại cán bộ, đảng viên hàng năm; thành lập các Hội đồng sát hạch trong cơ quan Đảng, MTTQ và các đoàn thể để đánh giá các tiêu chí này theo quy chế.

- Chỉ đạo nghiên cứu giải pháp lưu trữ thông tin, hồ sơ cán bộ dạng *blockchain* để truy cập, trích xuất dữ liệu phục vụ công tác quản lý cán bộ, đảng viên và thuận lợi trong việc cập nhật, điều chỉnh thông tin của đảng viên.

- Cơ quan Ủy ban kiểm tra và Ban Tổ chức cấp ủy cần đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý cán bộ đảng viên, triển khai thực hiện các phần mềm quản lý, cập nhật thường xuyên lý lịch, kê khai tài sản của đảng viên và các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ chính trị nội bộ; hạn chế thấp nhất các yêu cầu cập nhật lý lịch, kê khai tài sản trước các kỳ quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ,...

- Cho phép giảm thủ tục làm tờ trình đối với việc:

+ Xin trình ký ban hành văn bản trong trường hợp không phải xin chủ trương mới: Các báo cáo sơ, tổng kết chuyên đề theo yêu cầu của Trung ương mà Ban Thường vụ Tỉnh ủy ký ban hành, Thường trực Tỉnh ủy đã chỉ đạo cơ quan tham mưu dự thảo báo cáo, dự thảo xong cơ quan tham mưu chuyển dự thảo báo cáo qua Văn phòng Tỉnh ủy thẩm định, chấn chỉnh, trình Thường trực ký ban hành, cơ quan tham mưu không phải làm tờ trình xin Thường trực Tỉnh ủy ký ban hành báo cáo, vì sự việc này Thường trực Tỉnh ủy đã biết và đã chỉ đạo cơ quan đó thực hiện.

+ Các nội dung vụ việc phải thực hiện theo quy trình mà Thường trực Tỉnh ủy đã chỉ đạo liên quan đến việc xin chủ trương mới: những vụ việc thực hiện theo quy trình, căn cứ chức năng, nhiệm vụ cơ quan tham mưu đề xuất rõ quan điểm chỉ làm 01 tờ trình xin chủ trương Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nếu được Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý thì cơ quan tham mưu tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo, không phải làm tờ trình xin ký ban hành văn bản.

- Chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn việc sử dụng con dấu đối với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy để tách bạch và đồng bộ hoạt động của hai cơ quan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng, 25/11/2014, Quy định số 269-QĐ/TW về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan đảng;
2. Bộ Chính trị, 16/8/2010, Kết luận số 82-KL/TW về cải cách thủ tục hành chính trong Đảng;
3. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bến Tre, 04/3/2016, Chỉ thị số 07-CT/TU về việc đẩy mạnh cải cách hành chính trong hệ thống chính trị giai đoạn 2016-2020;
4. Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, 06/12/2019, Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2020;
5. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bến Tre, 29/3/2019, Báo cáo số 761-BC/BTCTU tình hình, kế hoạch, nội dung, giải pháp thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong Đảng tại Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bến Tre năm 2019-2020;
6. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bến Tre, 08/5/2019, Báo cáo số 437-BC/TU về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
7. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII, nhiệm kỳ 2015-2020;
8. Đậu Thế Tung, 2014, Luận án Tiến sĩ Các giải pháp để thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động của các trường đại học công lập ở Việt Nam, Học viện hành chính Quốc gia;
9. Chính phủ, 08/6/2010, Nghị định số 63/2010/NĐCP về Kiểm soát Thủ tục hành chính;
10. PGS. TS Nguyễn Đăng Thành, PGS. TS. Lưu Kiếm Thanh, TS. Nguyễn Hoàng Quy, TS. Nguyễn Thị Thu Vân, ThS, 2012, Dương Dạch Long, ThS. Đoàn Văn Dũng, Đo lường và đánh giá hiệu quả quản lý hành chính nhà nước những thành tựu trên thế giới và ứng dụng ở Việt Nam, NXB Lao động, Hà Nội;
11. Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 31/10/2016, Chương trình hành động số 18-CTrHĐ/TU về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố

lần thứ X về Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020;

12. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, 29/12/2020, Đề án số 01-ĐA/TU về Cải cách hành chính giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

13. Ban Bí thư Trung ương Đảng, 06/02/2017, Quy định số 66-QĐ/TW về thể loại, thẩm quyền ban hành và thể thức văn bản của Đảng;

14. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bến Tre, 22/6/2017, Quy định số 10-QĐ/TU về việc ban hành các văn bản của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

15. Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) ngày 30/7/2007 về Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị;

16. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương tư khóa XI, ngày 16/01/2012 về "một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay";

17. Nghị quyết hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, ngày 30/10/2016 về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ;

18. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ X, nhiệm kỳ 2015-2020 (Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 14/10/2015);

19. Văn phòng Trung ương Đảng, 22/3/2017, Hướng dẫn số 22-HD/VPTW về ban hành một số văn bản của các cơ quan lãnh đạo đảng cấp tỉnh, thành phố;

20. Văn phòng Trung ương Đảng, 03/4/2018, Hướng dẫn số 36-HD/VPTW về hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản của Đảng;

21. Văn phòng Trung ương Đảng, 07/4/2011, Quy định số 01- QĐ/VPTW về việc gửi nhận văn bản trên mạng thông tin điện rộng của Đảng;

22. Kiều Phong, Mạnh Hòa, 2019, Sài gòn Giải phóng Online, <https://www.sggp.org.vn/7-giai-phap-cai-cach-hanh-chinh-trong-dang-579389.html>;

23. Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam, 2018, Thăng Bình: Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng: <https://quangnam.gov.vn/CMSPages/BaiViet/Default.aspx?IDBaiViet=27605>. Truy cập ngày 6/5/2020.